

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **BỘ Y TẾ**  
**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**



## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Đối tượng: Bác sĩ Nội trú – chuyên ngành Y học cổ truyền**

**HÀ NỘI - 2020**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

Trình độ đào tạo: Bác sĩ nội trú

Mã ngành đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

### 1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần:

\* Tiếng Việt: Triết học

\* Tiếng Anh: Philosophy

- Mã học phần: 311101

- Số tín chỉ: 03.LT/...0..TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 23. tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 0.. tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 08...tiết

+ Kiểm tra: 01...tiết

+ Thời gian tự học: 13..tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa Khoa học cơ bản

### 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	LLCT	Dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Ths. Bùi T. Phương Thúy	0989727656	LLCT	Phuongthuy12883.pt@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
1	<p><b>* Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.</li> <li>- Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.</li> </ul>	CĐR 1	0.0 → 2.0
2	<p><b>* Về kỹ năng :</b></p> <p>Sau khi kết thúc môn học người học có được phương pháp tư duy khoa học, biện chứng; có một thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nhận thức đối tượng và giải quyết các tình huống nảy sinh trong công tác chuyên môn cũng như trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày.</p>	CĐR 6 CĐR 12 CĐR 13	3.0 → 3.5
3	<p><b>* Về mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b></p> <p>Học viên có được thái độ tôn trọng các nội dung và nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong công tác chuyên môn, trong cuộc</p>	CĐR 19 CĐR 20	3.5 → 4.0

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
	sống hàng ngày; góp phần xây dựng đất nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày một giàu mạnh.		

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.	<b>CĐR1:</b> Trình bày khái quát được sự phát triển đa dạng của triết học Phương Đông và Phương Tây
<b>MT2:</b> Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.	<b>CĐR 2:</b> Hiểu được đặc điểm và vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay. <b>CĐR3:</b> Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin và các nội dung liên quan đến sự phát triển khoa học, công nghệ trong công tác phát triển lĩnh vực chuyên môn.
<b>Kỹ năng</b>	
Sau khi kết thúc môn học người học có được phương pháp tư duy khoa học, biện chứng; có một thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nhận thức đối tượng và giải quyết các tình huống nảy sinh trong công tác chuyên môn cũng như trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày.	<b>CĐR 4:</b> Có tư duy logic, tư duy phản biện; Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Học viên có được thái độ tôn trọng các nội dung và nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong công tác chuyên môn, trong cuộc sống hàng ngày; góp phần xây dựng đất nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày một giàu mạnh.	<b>CĐR5:</b> Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần.**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Chương 1: Khái lược về Triết học	3	3			
Chương 2: Triết học Mác - Lênin			3	1	1
Chương 3: Mối quan hệ giữa Triết học và Khoa học tự nhiên		1			
Chương 4: Vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội			2		1

**6. Mô tả chung học phần/ mô đun**

Học phần Triết học thuộc kiến thức chung, bao gồm 4 chương cung cấp:

1/ Những kiến thức khái lược về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây cũng như những ảnh hưởng của một số trào lưu tư tưởng triết học tiêu biểu đến đời sống xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

2/ Kiến thức Triết học Mác – Lênin nâng cao, củng cố và phát triển tư duy biện chứng, định hướng hoạt động thực tiễn cho người học;

3/ Tầm quan trọng của Triết học và vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của các ngành khoa học nói riêng và đối với toàn xã hội nói chung.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/ KT	Tổng cộng		
<p>Chương I:</p> <p><b>KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC</b></p> <p><b>I. Triết học là gì?</b></p> <p>1. Khái niệm triết học</p> <p>2. Đối tượng của triết học</p> <p>3. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>5. Khả tri và bất khả tri</p> <p>6. Biện chứng và siêu hình</p> <p><b>II. Triết học phương Đông</b></p> <p>1. Triết học Ấn Độ cổ đại (Triết học Phật giáo)</p> <p>2. Triết học Trung Hoa cổ đại</p> <p><b>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</b></p> <p>- Vấn đề tư tưởng triết học Việt Nam.</p> <p>- Một số tư tưởng triết học Việt Nam tiêu biểu.</p> <p>- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.</p> <p><b>IV. Triết học phương Tây</b></p> <p>1. Đặc thù của triết học phương Tây.</p> <p>2. Triết học Hy Lạp cổ đại</p> <p>3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại.</p> <p>4. Triết học cổ điển Đức.</p> <p>5. Triết học phương Tây đương đại.</p>	8	0	4	12	04	<p>- Học viên tự nghiên cứu Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

<b>Chương II: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN</b>						
<b>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</b>	04	0	04	08	04	
1. Điều kiện kinh tế - xã hội 2. Tiền đề lý luận 3. Tiền đề khoa học tự nhiên 4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin. 5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin.						
<b>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</b>						
1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. - Nguyên lý về sự phát triển. 2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn, lượng chất, phủ định của phủ định). 3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật (cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, ngẫu nhiên và tất nhiên, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng, khả năng và hiện thực).						- Học viên tự nghiên cứu Giáo trình một số nội dung trong bài học. - Nghe giảng - Trao đổi và thảo luận - Làm bài kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)
<b>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b>						
1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội 2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người						

<p><b>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</b></p> <p>1. Những biến đổi của thời đại</p> <p>2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin</p>						
<p style="text-align: center;">Chương III:</p> <p style="text-align: center;"><b>MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</b></p> <p><b>1. Môi quan hệ giữa khoa học với triết học</b></p> <p><i>a. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.</i></p> <p>- Khoa học với sự ra đời và phát triển của các quan điểm triết học, các trào lưu triết học.</p> <p>+ Khoa học và triết học thời cổ đại</p> <p>+ Khoa học trong nền triết học tự nhiên</p> <p>+ Cơ học cổ điển và tư duy siêu hình</p> <p>+ Khoa học hiện đại và tư duy biện chứng</p> <p>- Triết học không thể khái quát các quan niệm và kết luận triết học từ đâu khác ngoài các dữ liệu của khoa học và của đời sống thực tiễn.</p> <p><i>b. Ý nghĩa của phát minh khoa học đối với Triết học.</i></p> <p>- Những thành tựu của khoa học có nhu cầu tự thân đòi hỏi phải được giải thích lý luận, tất yếu dẫn tới các kết luận chung về lý thuyết, những khái quát triết học định hướng.</p> <p>- Thiếu kiến thức khoa học và dữ liệu đời sống cập nhật, nhà triết học không thể có</p>	04	0	04	08	0	<p>- Học viên tự nghiên cứu</p> <p>Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>



<p>tư duy triết học hợp lý, đúng đắn; triết học trở nên xa rời thực tiễn.</p> <p><b>2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học</b></p> <p><i>a. Thế giới quan và phương pháp luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm thế giới quan và Khái niệm phương pháp luận.</li> <li>- Các loại thế giới quan và phương pháp luận.</li> <li>- Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học nói chung và của triết học duy vật biện chứng nói riêng.</li> </ul> <p><i>b. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triết học có vai trò thúc đẩy (hoặc kìm hãm) sự phát triển của khoa học.</li> <li>+ Triết học sáng suốt dẫn đường cho khoa học phát minh, sáng chế.</li> <li>+ Sự hạn chế trong tư tưởng triết học sẽ dẫn tới cản trở khoa học và hoạt động thực tiễn.</li> <li>+ Phép biện chứng duy vật là cơ sở phương pháp luận của khoa học hiện đại, là công cụ để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới, định hướng phát triển khoa học.</li> <li>- Phương pháp luận siêu hình cản trở sự phát triển của khoa học.</li> </ul> <p><i>c. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường</i></p>						
--	--	--	--	--	--	--

<p>- Thiếu tư duy triết học sáng suốt dẫn đường, nhà khoa học khó có thể xác định tốt những định hướng nghiên cứu đúng đắn, tối ưu để đi tới những phát minh, sáng chế.</p> <p>- Nhà khoa học đạt tới trình độ cao trong các khoa học chuyên ngành thường là những người có tư duy triết học sâu sắc.</p> <p>- Các nhà khoa học dù có thái độ thế nào đi nữa cũng vẫn bị triết học chi phối.</p> <p>+ Coi thường phép biện chứng, coi thường quy luật, coi thường logic khách quan... không tránh khỏi dẫn tới sai lầm trong bản thân lĩnh vực chuyên sâu (Lênin).</p> <p>+ “Những ai phỉ báng triết học nhiều nhất lại chính là những kẻ nô lệ của những tàn tích thông tục hóa, tòi tệ nhất của triết học” (C. Mác – Ph. Ăngghen. <i>Toàn tập</i>, t.20. NXB CTQG, 1994, tr. 692-693).</p>						
<p style="text-align: center;">Chương IV:</p> <p style="text-align: center;"><b>VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XH</b></p> <p><b>1. Ý thức Khoa học</b></p> <p><i>a. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó</i></p> <p>- Khoa học với tính cách là hình thái ý thức xã hội.</p> <p>- Khoa học với tính cách là hệ thống tri thức.</p> <p>- Khoa học với tính cách là hoạt động XH</p> <p>- Những tiền đề của sự xuất hiện các khoa học:</p>	04	0	04	08	01	<p>- Học viên tự nghiên cứu</p> <p>Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

<p>+ Thời Cổ đại và Trung cổ.  + Thời đại Phục hưng và Khai sáng.  - Sự xuất hiện các khoa học:  + Các khoa học tự nhiên.  + Các khoa học xã hội và nhân văn.  <i>b. Các loại hình khoa học chủ yếu</i>  - Phân loại khoa học.  - Khoa học tự nhiên và công nghệ.  - Khoa học xã hội và nhân văn.  + Khoa học xã hội và nhân văn ngày nay trực tiếp là dữ liệu khái quát của gần như tất cả các nhà triết học và hầu hết các trào lưu triết học.  + Triết học ngày nay gắn bó đặc biệt hữu cơ với khoa học xã hội và nhân văn và với các khoa học liên ngành, đa ngành.</p> <p><b>2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</b></p> <p><i>a. Cách mạng khoa học - công nghệ</i>  - Cuộc cách mạng khoa học công nghệ trong lịch sử: bối cảnh kinh tế - xã hội, nội dung và tác động của nó đến sự phát triển xã hội.  - Một số thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.  + Tin học và công nghệ thông tin.  + Khoa học tự nhiên và công nghệ: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ siêu cơ bản, công nghệ năng lượng mới; khoa học và công nghệ vũ trụ...  + Khoa học xã hội và quản lý xã hội.</p>						
--	--	--	--	--	--	--

<p>- Đặc điểm và vai trò của cách mạng khoa học - công nghệ.</p> <p>+ Rút ngắn thời gian thực hiện các ý tưởng. Rút ngắn vòng đời các sản phẩm khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Giải phóng người lao động khỏi quá trình sản xuất trực tiếp.</p> <p>+ Thay đổi các quan hệ xã hội.</p> <p><i>b. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i></p> <p>- Động lực của sự phát triển (khái niệm nguồn gốc, động lực của sự phát triển; các loại động lực của sự phát triển xã hội).</p> <p>- Quan niệm của Mác về khoa học với tính cách là lực lượng sản xuất trực tiếp.</p> <p>- Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển.</p> <p><b>3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</b></p> <p><i>a. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Những thành tựu về khoa học công nghệ ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay.</p> <p>- Những hạn chế, yếu kém.</p> <p>- Nguyên nhân của những thành tựu, yếu kém.</p> <p><i>b. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học - công nghệ.</p> <p>- Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam.</p>						
---	--	--	--	--	--	--

<p>+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Trí thức và nguồn nhân lực khoa học và công nghệ là tài nguyên vô giá của đất nước.</p> <p>+ Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ, phát huy vai trò dẫn đường của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>+ Hợp tác và hội nhập quốc tế.</p> <p>- Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học công nghệ Việt Nam trong giai đoạn tới.</p> <p>+ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ, đảm bảo vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tác động và đóng góp quyết định cho phát triển.</p> <p>+ Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.</p> <p>+ Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Hợp tác và hội nhập quốc tế.</p>				32	13	
--	--	--	--	----	----	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập:

**8.1. Tài liệu chính:** Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Triết học*

(dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo:**

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB. Chính trị Quốc gia, HN

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết:

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Khái luận về triết học	4 giờ					
Buổi 2	Khái luận về triết học						4 giờ
Buổi 3	Khái luận về triết học	4 giờ					
Buổi 4	Khái luận về triết học				4 giờ		
Buổi 5	Triết học Mác – Lênin	4 giờ					
Buổi 6	Triết học Mác – Lênin						4 giờ
Buổi 7	Triết học Mác – Lênin						

Buổi 8	Triết học Mác – Lênin		1 giờ		3 giờ		
Buổi 9	Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học	4 giờ					
Buổi 10	Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học						4 giờ
Buổi 11	Vai trò của sự phát triển KHCN trong phát triển xã hội	4 giờ					1 giờ
Buổi 12	Vai trò của sự phát triển KHCN trong phát triển xã hội	3 giờ			1 giờ		
	<b>TỔNG</b>	<b>23</b>	<b>1</b>		<b>8</b>	<b>0</b>	<b>13</b>

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình ; Phát vấn ; Động não; Học dựa trên vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần; Máy chiếu, loa, mic, bảng viết, bút (phân)...

11.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp:

- + Tham gia học tập ít nhất 80% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.
- + Không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại di động, không làm việc riêng của cá nhân trong giờ học.

- Tự học: Học viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo tại nhà những nội dung giáo viên yêu cầu.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- + Bài kiểm tra điều kiện đạt điểm 5/10 trở lên
- + Nghỉ học không quá 20% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm chuyên cần	10%	80% số buổi học trên lớp	
2	Điểm kiểm tra điều kiện	30%	Nắm được kiến thức căn bản của môn học	
3	Điểm thi kết thúc học phần	60%	Nhớ, hiểu và vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết vấn đề đề bài đặt ra	
	Thi tự luận/ Viết tiểu luận	100%	Bài làm đúng, đủ theo gợi ý của đáp án	CĐR1 đến CĐR 16

### 12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

## 13.. Hướng dẫn thực hiện:

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

  
ĐOÀN QUANG HUY

  
ĐINH NGUYỄN AN



Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: **Bác sĩ Nội trú - YHCT**; Mã số đào tạo: .....

### 1. Thông tin tổng quát về Học phần:

- Tên Học phần/ Môn học: **Ngoại ngữ/Tiếng Trung chuyên ngành**  
\* Tiếng Việt: **Tiếng Trung chuyên ngành**  
\* Tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes**  
- Mã Học phần/ Môn học:  
- Số tín chỉ: **05**  
- Đối tượng học: **Năm thứ Nhất – Bác sĩ nội trú - CN YHCT**  
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thi tuyển đầu vào bằng tiếng Trung trình độ HSK 3  
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: **113 tiết**  
\* Lý thuyết: 72 tiết  
\* Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: 8 tiết  
\* Thực hành: 33 tiết  
- Thời gian tự học: **180 giờ**  
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

## 2. Thông tin về giảng viên:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	<a href="mailto:chile982002@gmail.com">chile982002@gmail.com</a>
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	<a href="mailto:nguyenthanhan78@gmail.com">nguyenthanhan78@gmail.com</a>
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	<a href="mailto:phuongdungbmn@gmail.com">phuongdungbmn@gmail.com</a>
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	<a href="mailto:honghanh.bmn@gmail.com">honghanh.bmn@gmail.com</a>
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	<a href="mailto:phamhangvut@gmail.com">phamhangvut@gmail.com</a>
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	<a href="mailto:phamhoa0778@gmail.com">phamhoa0778@gmail.com</a>
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	<a href="mailto:tranngoclien08121984@gmail.com">tranngoclien08121984@gmail.com</a>
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	<a href="mailto:tuquynh19762015@gmail.com">tuquynh19762015@gmail.com</a>
9	Ths. Nguyễn Thị Thù	0977166638	<a href="mailto:minhthua78@gmail.com">minhthua78@gmail.com</a>
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	<a href="mailto:thutrang293@gmail.com">thutrang293@gmail.com</a>

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1	Vận dụng được các cấu trúc tiếng Trung, vốn từ vựng phổ thông và thuật ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền.		
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CDR)

Mục tiêu	CDR của HP	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
<b>MT1</b>  <b>Kiến thức</b>	CDR1	Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học cổ truyền bằng tiếng Trung, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học. Vận dụng được các thuật ngữ về y học bằng tiếng Trung và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.	
	CDR2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, trọng âm, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.	
	CDR3	Ngữ pháp: - Nhận biết về cách sử dụng động từ, tính từ, giới từ, liên từ, kết cấu cố định. - Nhận biết các cấu trúc câu trong đọc, viết.	
	CDR4	Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp: - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa. - Nhận diện được những kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử Trung Quốc và những tài liệu chuyên môn ngắn liên quan đến Y học cổ truyền.	
<b>MT2</b>  <b>Kỹ năng</b>	CDR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề bệnh tật trong chuyên ngành y học cổ truyền tại các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế.	
	CDR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	
	CDR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y khoa.	
	CDR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	

<b>MT3</b>	<b>CĐR9</b>	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
第一课: 针灸 <b>Bài 1: Châm cứu</b>	√		√	√	√	√			√
第二课: 王惟一和针灸铜人 <b>Bài 2: Vương Duy Nhất và Châm cứu đồng nhân</b>	√		√	√		√	√	√	√
第三课: 针刺疗法 <b>Bài 3: Điều trị bằng châm cứu</b>	√		√	√		√	√	√	√
第四课: 耳针疗法 <b>Bài 4: Điều trị nhĩ châm</b>	√		√	√		√	√	√	√
第五课: 灸灼疗法 <b>Bài 5: Điều trị cứu giác</b>	√		√	√		√	√	√	√
第六课: 复习一 <b>Bài 6: Ôn tập 1</b>	√		√	√		√	√	√	√
第七课: 推拿 <b>Bài 7: Xoa bóp</b>	√		√	√	√	√			√
第八课: 甘草的传说 <b>Bài 8: Truyền thuyết cam thảo</b>	√		√	√	√	√			√
第九课: 人参 <b>Bài 9: Nhân sâm</b>	√		√	√	√	√	√		√
第十课: 甘草的传说 <b>Bài 10: Truyền thuyết cam thảo</b>	√		√	√		√	√	√	√
第十一课: 复习二 <b>Bài 11: Ôn tập 2</b>	√		√	√		√	√	√	√

第十二课：中医学的基本特点 <b>Bài 12: Đặc điểm cơ bản của Trung y học</b>	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第十三课：阴阳学说 <b>Bài 13: Học thuyết âm dương</b>	√		√	√		√	√	√	√
第十四课：五行 <b>Bài 14: Ngũ hành</b>	√		√	√		√	√	√	√
第十五课：脏腑 <b>Bài 15: Tạng phủ</b>	√		√	√		√	√	√	√
第十六课：气、血、津液（一） <b>Bài 16: Khí, huyết, tân dịch (1)</b>	√		√	√		√	√	√	√
第十七课：气、血、津液（二） <b>Bài 17: Khí, huyết, tân dịch (2)</b>	√		√	√		√	√	√	√
第十八课：复习三 <b>Bài 18: Ôn tập 3</b>	√		√	√	√	√			√

## 6. Mô tả học phần

- Học phần Tiếng Trung chuyên ngành (TTCN) được xây dựng với 15 đơn vị bài học. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Trung trong lĩnh vực y học cổ truyền như Trong từng bài học có những phần chính gồm Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành...

- Mục đích của học phần TTCN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TTCN này giúp phát triển sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung. Học phần TTCN rèn luyện các kỹ năng và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, mô tả và xác định nguyên nhân gây bệnh bằng kiến thức y dược học cổ truyền; vận dụng học thuyết âm dương, ngũ hành, tạng phủ trong quá trình thăm khám và điều trị bệnh; dùng ngoại ngữ để tăng cường thuật ngữ về châm cứu, liệu pháp châm thích, liệu pháp nhĩ châm, liệu pháp giác hơi...; thông qua đọc hiểu, dùng tiếng Trung để nắm được sự vận động giữa khí, huyết, tân dịch....

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	TH	BT/TL	Tổng		
<p><b>第一课: 针灸</b></p> <p><b>Bài 1: Châm cứu</b></p> <p>一、生词: 35 个生词; 3 个专名</p> <p>二、课文: 《针灸》</p> <p>三、词语用法举例: 1、包括; 2、为...所...; 3、对于; 4、通过; 5、一定</p> <p>四、注释: 1、为...所...; 2、对于; 3、通过; 4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>第二课: 王惟一和针灸铜人</b></p> <p><b>Bài 2: Vương Duy Nhất và Châm cứu đồng nhân</b></p> <p>一、生词: 37 个生词</p> <p>二、课文: 《王惟一和针灸铜人》</p> <p>三、词语用法举例: 1、关于; 2、进一步; 3、说明; 4、进行</p> <p>四、注释: 1、关于 2、某; 3、进行</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>第三课: 针刺疗法</b></p> <p><b>Bài 3: Điều trị bằng châm cứu</b></p> <p>一、生词: 36 个生词</p> <p>二、课文: 《针刺疗法》</p> <p>三、词语用法举例: 1、适当; 2、不断; 3、根据; 4、用来.....; 5、.....,再.....</p> <p>四、注释: 1、不断 2、根据; 3、..... 用来.....</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>第四课: 耳针疗法</b></p> <p><b>Bài 4: Điều trị nhĩ châm</b></p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc</p>

<p>一、生词：34 个生词</p> <p>二、课文：《耳针疗法》</p> <p>三、词语用法举例：1、为 ..... 而.....; 2、联系;3、反应; 4、各</p> <p>四、注释：1、为.....而.....; 2、反应; 3、双; 4、生了一场很重的眼病; 5、....在两只耳朵的耳垂上各扎了一针</p> <p>五、练习</p>						<p>nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>第五课：灸灼疗法</b></p> <p><b>Bài 5: Điều trị cứu giác</b></p> <p>一、生词：34 个生词</p> <p>二、课文：《灸灼疗法》</p> <p>三、词语用法举例：1、不仅; 2、从而; 3、有关; 4、只是; 5、这样</p> <p>四、注释：1、不仅; 2、从而; 3、有关; 4、只是</p> <p>五、练习</p>						
<p><b>第六课：复习一</b></p> <p><b>Bài 6: Ôn tập 1</b></p> <p>一、语法小结</p> <p>1、递进复句：....., 还.....; ....., 并且（而且）.....; 不但（不仅）....., 而且（并且、还、也）</p> <p>2、因果复句：因为....., 所以.....; 之所以....., 是因为; 由于....., 因此.....; 既然.....就.....</p> <p>二、练习</p>						
<p><b>第七课：推拿</b></p> <p><b>Bài 7: Xoa bóp</b></p> <p>一、生词：35 个生词</p> <p>二、课文：《推拿》</p> <p>三、词语用法举例：1、称; 2、必须; 3、既.....又（也）.....; 4、对.....来说</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>

四、注释：1、称；2、既……又（也）……；3、对……来说 五、练习						viên.
<b>第八课：甘草的传说</b> <b>Bài 8: Truyền thuyết cam thảo</b> 一、生词：36 个生词 二、课文：《甘草的传说》 三、词语用法举例：1、偶然；2、照常；3、临；4、甚至；5、等 四、注释：1、偶然；2、我丈夫临走的时候；3、等人们走了以后……；4、甚至；5、就同妻子是怎么一回事 五、练习	6	5	4	15	<b>18</b>	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
<b>第九课：人参</b> <b>Bài 9: Nhân sâm</b> 一、生词：34 个生词 二、课文：《人参》 三、词语用法举例：1、愈……愈……；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使 四、注释：1、愈……愈……；2、远远不能满足需要；3、促使 五、练习	6	5	4	15	<b>18</b>	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
<b>第十课：煎药</b> <b>Bài 10: Sắc thuốc</b> 一、生词：36 个生词 二、课文：《煎药》 三、词语用法举例：1、历来；2、有所；3、区别；4、以免；5、理想 四、注释：1、历来；2、……有所区别；3、以免 五、练习	6	5	4	15	<b>18</b>	
<b>第十一课：复习 二</b> <b>Bài 11: Ôn tập 2</b> 一、联合复句	6	5	4	15	<b>18</b>	



<p>1、又（既）……又……</p> <p>2、一边……，一边……</p> <p>3、一方面……，一方面……</p> <p>4、不是……，而是……</p> <p>二、转折复句、</p> <p>1、虽然……，但是（可是、却）……</p> <p>2、……，却……</p> <p>3、……，可是（不过、只是）……</p> <p>4、……，而……</p>						
<p><b>第十二课: 中医学的基本特点</b></p> <p><b>Bài 12: Đặc điểm cơ bản của Trung y học</b></p> <p>一、生词: 37 个生词</p> <p>二、课文: 《中医学的基本特点》</p> <p>三、词语用法举例: 1、与; 2、又; 3、所谓; 4、一些列; 5、反映</p> <p>四、注释: 1、与; 2、……有着各自不同的功能; 3、……但是自然界的运动变化又常常影响着人体; 4、所谓</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	
<p><b>第十三课: 阴阳学说</b></p> <p><b>Bài 13: Học thuyết âm dương</b></p> <p>一、生词: 39 个生词</p> <p>二、课文: 《阴阳学说》</p> <p>三、词语用法举例: 1、就……来说; 2、之间; 3、任何; 4、尽管; 5、在于</p> <p>四、注释: 1、就……来说; 2、之间; 3、尽管; 4、在于</p> <p>五、练习</p>						
<p><b>第十四课: 五行</b></p> <p><b>Bài 14: Học thuyết ngũ hành</b></p> <p>一、生词: 40 个生词</p> <p>二、课文: 《五行》</p> <p>三、词语用法举例: 1、指; 2、凡是; 3、以上; 4、加以</p>						

<p>四、注释：1、指；2、凡是；3、以上；4、加以</p> <p>五、练习</p>						
<p><b>第十五课：脏腑</b></p> <p><b>Bài 15: Học thuyết tạng phủ</b></p> <p>一、生词：38个生词</p> <p>二、课文：《脏腑》</p> <p>三、词语用法举例：1、即；2、主；3、从……说；4、一下；5、以及</p> <p>四、注释：1、即；2、心主血脉；3、水谷；4、气化；5、从……部位说；6、以及</p> <p>五、练习</p>						
<p><b>第十16课：气、血、津液（一）</b></p> <p><b>Bài 16: Học thuyết tạng phủ</b></p> <p>一、生词：38个生词</p> <p>二、课文：《气、血、津液（一）》</p> <p>三、词语用法举例：1、此外；2、主；3、从……说；4、一下；5、以及</p> <p>四、注释：1、此外；2、呼吸之气；3、以气的运动变化来说明人的生命活动；4、其；5、或升降失调，或出入不利；</p> <p>五、练习</p>						
<p><b>第十17课：气、血、津液（二）</b></p> <p><b>Bài 17: Tân, khí, tân dịch（二）</b></p> <p>一、生词：35个生词</p> <p>二、课文：《气、血、津液（二）》</p> <p>三、词语用法举例：1、有赖（于）；2、首先……，其次……；3、则；4、总之</p> <p>四、注释：1、则；2、有赖（于）；3、总之；4、首先……，其次……</p> <p>五、练习</p>						

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] 王砚农、阎德早主编, *中医汉语 (下)*, 北京语言文化大学出版社, 1999 年
- [2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Bài giảng chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, năm 2019.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002. Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.
- [2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.
- [3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.
- [4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.
- [5]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.
- [6]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	4		0.5	2		10
2	4		0.5	2		10
3	4		0.5	2		10
4	4		0.5	1		10
5	4		0.5	2		10
6	4		0.5	2		10
7	4		0.5	2		10
8	4		0.5	1		10

9	4		0.5	2		10
10	4		0.5	1		10
11	4		0.5	2		10
12	4		0.5	2		10
13	4		0.5	2		10
14	4		0.5	1		10
15	4		0.5	2		10
16	4		0.5	2		10
17	4		0.5	2		10
18	4		0.5	2		10
<b>Tổng</b>	<b>72</b>		<b>9</b>	<b>32</b>		<b>180</b>

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

## 11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

### Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
  - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
  - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
  - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
  - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
  - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
  - ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

### Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

#### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên*

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định Học viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %. Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## **12. Phương pháp đánh giá học phần**

### *12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá*

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ).

### *12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm*

*12.2.1. Điểm đánh giá quá trình:* 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thảo luận nhóm

Bài tập lớn

Thực hành

Khác

12.2.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số 100 %

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Vấn đáp

**Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	CĐR1 đến CĐR9

**12.3. Điểm học phần**

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

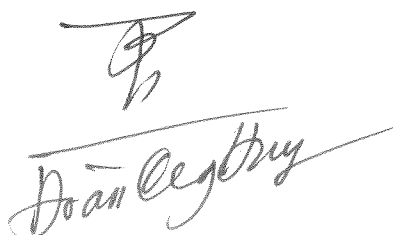
**12.4. Hướng dẫn thực hiện**

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**TRƯỞNG BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Chi Lê

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Đối tượng đào tạo: **Bác sĩ nội trú YHCT**; Mã số đào tạo: .....

### 1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

\* Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành**

\* Tiếng Anh: English for Medical Purposes

- Mã Học phần/ Môn học: HVNN

- Số tín chỉ: 05

- Đối tượng học: Năm thứ Nhất - Bác sĩ nội trú YHCT

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thi tuyển đầu vào bằng tiếng Anh trình độ B1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 120 tiết

\* Lý thuyết: 45 tiết

\* Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: 45 tiết

\* Thực hành: 30 tiết

- Thời gian tự học: 150 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ



## 2. Thông tin về giảng viên:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	<a href="mailto:anhminh0409@gmail.com">anhminh0409@gmail.com</a>
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	<a href="mailto:phamnganha2703@gmail.com">phamnganha2703@gmail.com</a>
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	<a href="mailto:vietha79vatm@gmail.com">vietha79vatm@gmail.com</a>
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	<a href="mailto:thanhhoa.nguyen1609@gmail.com">thanhhoa.nguyen1609@gmail.com</a>
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	<a href="mailto:vantrang0609@gmail.com">vantrang0609@gmail.com</a>
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	<a href="mailto:nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com">nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com</a>

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1	+ Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành y học ở trình độ sau trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học.  + Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực y học, các kỹ năng giao tiếp giữa bác sĩ và người bệnh trong bối cảnh lấy người bệnh là trung tâm, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.	PLO3 PLO11 PLO13	2 2 2
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	PLO3 PLO11	2 2
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	PLO11 PLO13 PLO16	2 2 2

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CDR)

Mục tiêu	CDR của HP	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
<b>MT1</b>  <b>Kiến thức</b>	CDR1	Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học bằng tiếng Anh, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học. Vận dụng được các thuật ngữ về y học bằng tiếng Anh và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.	PLO3 PLO11
	CDR2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.	PLO3
	CDR3	Ngữ pháp: Phân biệt được các dạng câu hỏi YES/NO và câu hỏi có từ để hỏi-WH; nhận biết dạng câu hỏi có đuôi ở các thì hiện tại, quá khứ và tương lai. Phân biệt các thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành. Nhận biết dạng câu trực tiếp, gián tiếp và các động từ thường dùng trong mỗi loại câu này. Nhận biết các loại câu chủ động, bị động. Phân biệt cách dùng động từ tình thái could/might/may can't be/must be, unlikely/likely to be diễn tả sự suy đoán về một sự việc chưa chắc chắn. Nhận biết các cụm động từ và cấu tạo của chúng. Nhận biết các cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc cuộc nói chuyện: đưa ra lời đề nghị và cách thức đáp lại lời đề nghị, cách đặt các câu hỏi đóng-mở, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...	PLO3
	CDR4	Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp: - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa.	PLO3 PLO13

<b>MT2</b> <b>Kỹ năng</b>	CDR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề bệnh tật trong chuyên ngành y khoa tại các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế.	PLO3 PLO11
	CDR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	PLO3 PLO11
	CDR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y khoa.	PLO3 PLO11
	CDR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	PLO3 PLO11
<b>MT3</b> <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	CDR9	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	PLO11 PLO13 PLO16

## 5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CDR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Nội dung 1: Making a diagnosis</b>									
Lesson 1: So, what can I do for you	√		√	√	√	√			√
Lesson 2: When did the problem begin	√		√	√		√	√	√	√
Lesson 3: I'd like to examine you	√		√	√	√	√			√
Lesson 4: What's the diagnosis	√		√	√	√	√			√
Lesson 5: Let me explain your diet	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 6: To put it more simple	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Team Project 1	√		√	√		√	√	√	√
<b>Nội dung 2: Working under pressure</b>									
Lesson 1: If you are not sure, ask	√		√	√	√	√			√
Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich	√		√	√	√	√			√

Lesson 3: Has he ever fainted before	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 4: I'd like to ask you a few questions	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 5: We need to take a sample	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Lesson 6: Can I explain the procedure	√	√	√	√		√	√	√	√
Team Project 2	√		√	√		√	√	√	√
<b>Nội dung 3: Breaking bad news</b>									
Lesson 1: Can you describe the pain	√		√	√	√	√			√
Lesson 2: It's how you say it	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Lesson 3: It's getting you down, isn't it	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Lesson 4: We need a psychiatric evaluation	√		√	√	√	√	√	√	√
Lesson 5: It might be multiple sclerosis	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 6: I'm afraid to say that...	√		√	√		√	√		√
Team Project 3	√		√	√		√	√	√	√
<b>Nội dung 4: Calling in the Stroke Team</b>									
Lesson 1: She can hardly speak	√		√	√	√	√		√	√
Lesson 2: How many fingers can you see	√	√	√	√		√	√		√
Lesson 3: We need to run a few more tests	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 4: What medication would you prescribe	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan	√		√	√		√	√		√
Lesson 6: I'm going to teach you some exercises	√		√	√		√	√		√
Team Project 4	√		√	√		√	√	√	√
<b>Nội dung 5: Referring a patient</b>									
Lesson 1: I can't put up with the pain	√		√	√		√			√
Lesson 2: Thank you for referring the patient	√		√	√		√	√	√	√
Lesson 3: Let's examine your mouth	√		√	√	√		√	√	√
Lesson 4: Follow the postoperative advice	√		√	√		√	√	√	√
Lesson 5: Your test results are back	√		√	√	√	√	√	√	√
Lesson 6: You are very lucky	√		√	√		√	√	√	√
Team Project 5	√		√	√		√	√	√	√

## 6. Mô tả học phần

- Học phần Tiếng Anh chuyên ngành (TACN) được xây dựng với 05 nội dung lớn bao gồm 30 đơn vị bài học nhỏ. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Anh trong lĩnh vực y học như một phương tiện giúp học viên tiếp cận, truy cập và nghiên cứu những sách báo,

tài liệu chuyên ngành y bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh như một phương tiện giao tiếp trong chuyên ngành của mình. Trong từng đơn vị bài học có những phần chính gồm 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành...

- Mục đích của học phần TACN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TACN này giúp phát triển sự tự tin của học viên để tồn tại và thành công trong các cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp và xã hội trong một cộng đồng toàn cầu nói tiếng Anh. Học phần TACN cung cấp các cơ hội cho học viên chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của họ bằng cách thực hành các kỹ năng tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến công việc mà họ đang và sẽ thực hiện. Các kỹ năng và ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân khi khai thác bệnh sử, viết tiền sử bệnh cách đặt câu hỏi mở, cách trình bày trường hợp, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học				Yêu cầu với học viên	
	Lên lớp (tiết)					Tự học (giờ)
	LT	TH	BT/TL	Tổng		
<b>Nội dung 1: Making a diagnosis</b> Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1	9	6	9	24	30	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

<p><b>Nội dung 2: Working under pressure</b></p> <p>Lesson 1: If you are not sure, ask</p> <p>Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich</p> <p>Lesson 3: Has he ever fainted before</p> <p>Lesson 4: I'd like to ask you a few questions</p> <p>Lesson 5: We need to take a sample</p> <p>Lesson 6: Can I explain the procedure</p> <p>Team Project 2</p>	9	6	9	24	30	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>Nội dung 3: Breaking bad news</b></p> <p>Lesson 1: Can you describe the pain</p> <p>Lesson 2: It's how you say it</p> <p>Lesson 3: It's getting you down, isn't it</p> <p>Lesson 4: We need a psychiatric evaluation</p> <p>Lesson 5: It might be multiple sclerosis</p> <p>Lesson 6: I'm afraid to say that...</p> <p>Team Project 3</p>	9	6	9	24	30	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>Nội dung 4: Calling in the Stroke Team</b></p> <p>Lesson 1: She can hardly speak</p> <p>Lesson 2: How many fingers can you see</p> <p>Lesson 3: We need to run a few more tests</p> <p>Lesson 4: What medication would you prescribe</p> <p>Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan</p> <p>Lesson 6: I'm going to teach you some exercises</p> <p>Team Project 4</p>	9	6	9	24	30	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p><b>Nội dung 5: Referring a patient</b></p> <p>Lesson 1: I can't put up with the pain</p> <p>Lesson 2: Thank you for referring the patient</p> <p>Lesson 3: Let's examine your mouth</p> <p>Lesson 4: Follow the postoperative advice</p> <p>Lesson 5: Your test results are back</p> <p>Lesson 6: You are very lucky</p>	9	6	9	24	30	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng</p>

Team Project 5						dẫn của giảng viên.
----------------	--	--	--	--	--	---------------------

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Martin Milner (2006). *English for Health Sciences: Professional English*. Thomson Press

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use - Medicine*. NXB Đồng Nai.

2. Sam McCarter. *Medicine 1 (Student's Book) - Essential skills for doctor-patient communication*. Oxford University

3. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

4. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

5. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.

6. Các websites chuyên ngành.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2.5		1	1.5	1	8
2	2.5		1	1.5	2	8
3	2.5		1	1.5	2	8
4	2.5		1	1.5	1	8
5	2.5		1	1.5	2	9
6	2.5		1	1.5	2	8
7	2.5		1	1.5	1	8
8	2.5		1	1.5	2	8
9	2.5		1	1.5	2	9
10	2.5		1	1.5	2	8
11	2.5		1	1.5	1	8
12	2.5		1	1.5	2	8
13	2.5		1	1.5	2	9

14	2.5		1	1.5	1	8
15	2.5		1	1.5	2	9
16	2.5		1	1.5	2	8
17	2.5		1	1.5	2	9
18	2.5		1	1.5	1	9
<b>Tổng</b>	<b>45</b>		<b>18</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>150</b>

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

## 11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

#### Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:



+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

#### Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

#### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên*

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định Học viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %. Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ).

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

12.2.1. Điểm đánh giá quá trình: 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thảo luận nhóm

Bài tập lớn

Thực hành

Khác

12.2.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số 100 %

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Vấn đáp

### Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	CDR9
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.</li> <li>- Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học.</li> <li>- Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.</li> </ul>	CDR1 đến CDR9

### 12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

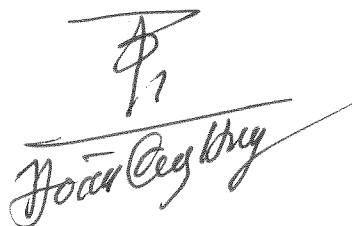
### 12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

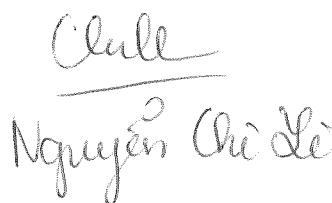
Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**NGƯỜI VIẾT ĐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
**Đoàn Thị Lan Anh**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**TIN HỌC ỨNG DỤNG (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: ....., Mã số đào tạo: .....

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng
- \* Tiếng Anh: Applied Informatics
- Mã học phần/ mô đun: HVTH
- Số tín chỉ: 02TC(0.5LT/1.5TH)
- Đối tượng học: năm thứ nhất, Bác sĩ nội trú
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương và ứng dụng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Lý thuyết: 7.5 tiết
  - + Thực hành: 40 tiết
  - + Bài tập: .... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
  - + Kiểm tra: ... tiết
  - + Thời gian tự học: .... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học.

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

## 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> - Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, Tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR10	3
2	<b>Kỹ năng :</b> - Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao). - Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form.....) - Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận	CĐR10, CĐR13, CĐR14	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	văn.		
33	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> - Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR17	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR1: Vận dụng được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point để phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học, luận văn.
<b>Kỹ năng</b>	
MT2: Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao).	CĐR2: Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chia sẻ, tìm kiếm trên hệ thống mạng Lan và internet.
MT3: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form.....)	CĐR3: Tìm kiếm được tài liệu tham khảo chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành Y để chèn tài liệu tham khảo vào đề tài.
MT4: Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận	CĐR4: Vận dụng thành thạo chương trình PowerPoint nâng cao để làm Slide trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.

văn.	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT5: Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CDR5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun .**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1. Hệ thống mạng Lan & internet	2	3	2		2
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2		3		2
3. Chương trình Powpoint nâng cao	2			3	2

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tin học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp: học phần sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng về các cách tìm kiếm tài liệu tham khảo về y học trên Google, Opacs nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, tin cậy; Tìm kiếm trên các Website nổi tiếng, uy tín, chuyên sâu về ngành y của Việt Nam và thế giới; Khai thác một số tính năng hữu ích của Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bộ câu hỏi sử dụng cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng phần mềm Power Point nâng cao để tạo ra các slide sinh động giúp cho việc trình chiếu, thuyết minh đề tài, luận văn.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I. Hệ thống mạng lan & internet	1.5			10 tiết		

	<b>tiết</b>					
1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy  - Chia sẻ thư mục  - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	1			5		<i>Độc quyền giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, , trang3-29. Bài tập tự lượng giá: bài tập 1,2 trang 29,30.</i>
2. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet	1			5		
<b>II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin</b>	<b>2 tiết</b>			<b>15 tiết</b>		
1. Các loại OPACs.				4		<i>Độc quyền giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang 31-40. Bài tập tự lượng giá: trang 40.</i>
2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5			4		
3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	1			4		
4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5			3		
<b>III. Chương trình microsoft powerpoint 2016</b>	<b>5 tiết</b>			<b>20 tiết</b>		
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Precentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon	1			4		<i>Độc quyền giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học,, trang 41-61.</i>  Chuẩn bị trước các bài báo cáo Slide theo nhóm 5 học



						viên. Báo cáo, đặt câu hỏi phản biện, trình bày cách làm, ý tưởng <i>Bài tập tự lượng giá: trang 61</i>
2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Prezentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	1			4		
3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1			4		
4. Sử dụng hình vẽ						
5. Sử dụng Slide Master						
6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide - Hiệu ứng chuyển Slide - Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide	2			4		
7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger						
8. Sử dụng Note trong trình chiếu				4		
9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint						
10. Lưu văn bản và in văn bản						
<b>Tổng số</b>	<b>7.5tiết</b>			<b>45 tiết</b>		

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

**8. Tài liệu học tập** ( Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

**8.1. Tài liệu chính (TLC)**

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên BS nội trú*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	<b>I. Hệ thống mạng lan &amp; internet</b>	<b>1.5 tiết</b>					3
	1. Hệ thống mạng Lan	1					
	2. Hệ thống mạng Internet	1					
	<b>II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin</b>	<b>2 tiết</b>					4
	1. Các loại OPACs.						
	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5					
	3. Thông tin y học trực tuyến	1					
	4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5					
	<b>IV. Chương trình microsoft powerpoint 2016</b>	<b>5 tiết</b>					10
Buổi 2	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1					
	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio	1					
	3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1					
	4. Sử dụng hình vẽ						
	5. Sử dụng Slide Master						
	6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	1					
	7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1					
	8. Sử dụng Note trong trình chiếu						
	9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint						

	10. Lưu văn bản và in văn bản						
	<b>Tổng số</b>	<b>7.5tiết</b>					

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy chiếu, máy tính cấu hình phù hợp để chạy bộ Office 1016, phần mềm Entnote hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CDR1 đến CDR5

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết \* 30% + điểm thực hành 70%

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**PT. BỘ MÔN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN  
THỰC HÀNH MÔN: TIN HỌC ỨNG DỤNG**

Đối tượng đào tạo: ....., Mã số đào tạo: .....

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng
- \* Tiếng Anh: Applied Informatics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2TC(0,5LT/1,5TH)
- Đối tượng học : năm thứ nhất, Bác sĩ nội trú
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương và ứng dụng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Thực hành: 40 tiết
  - + Bài tập: ... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
  - + Kiểm tra:.... tiết
  - + Thời gian tự học: ... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyền	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> - Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, Tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CDR10	3
2	<b>Kỹ năng :</b> - Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao). - Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form.....) - Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận	CDR10, CDR13, CDR14	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	vấn.		
33	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> - Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR17	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR1: Vận dụng được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point để phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học, luận văn.
<b>Kỹ năng</b>	
MT2: Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao).	CĐR2: Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chia sẻ, tìm kiếm trên hệ thống mạng Lan và internet.
MT3: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form.....)	CĐR3: Tìm kiếm được tài liệu tham khảo chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành Y để chèn tài liệu tham khảo vào đề tài.
MT4: Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.	CĐR4: Vận dụng thành thạo chương trình PowerPoint nâng cao để làm Slide trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun.**

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Hệ thống mạng Lan & internet	2	3	2		2
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2		3		2
3. Chương trình Powpoint nâng cao	2			3	2

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tin học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp: học phần sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng về các cách tìm kiếm tài liệu tham khảo về y học trên Google, Opacs nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, tin cậy; Tìm kiếm trên các Website nổi tiếng, uy tín, chuyên sâu về ngành y của Việt Nam và thế giới; Khai thác một số tính năng hữu ích của Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bộ câu hỏi sử dụng cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng phần mềm Power Point nâng cao để tạo ra các slide sinh động giúp cho việc trình chiếu, thuyết minh đề tài, luận văn.

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	
	GIỜ LÊN LỚP			Tổng cộng		Tự học
	LT	TH	BT/TL/KT			
<b>I. Hệ thống mạng lan &amp; internet</b>	<b>1.5 tiết</b>	<b>10 tiết</b>				
1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	1	5			Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học , trang 3-29. Bài tập tự lượng giá: bài tập 1,2 trang	
2. Hệ thống mạng Internet	1	5				



- Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet						29,30.
<b>II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin</b>	<b>2 tiết</b>	<b>15 tiết</b>				
1. Các loại OPACs.		4				<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học,, trang 31-40, Bài tập tự lượng giá: trang 40.</i>
2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5	4				
3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	1	4				
4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5	3				
<b>III. Chương trình microsoft powerpoint 2016</b>	<b>5 tiết</b>	<b>20 tiết</b>				
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Prentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon	1	4				Chuẩn bị trước các bài báo cáo Slide theo nhóm 5 học viên. Báo cáo, đặt câu hỏi phản biện, trình bày cách làm, ý tưởng mới. <i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học,, trang 41-61.</i> Bài tập tự lượng giá trang 61

2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Presentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	1	4				
3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1	4				
4. Sử dụng hình vẽ						
5. Sử dụng Slide Master						
6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide - Hiệu ứng chuyển Slide - Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide	2	4				
7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger						
8. Sử dụng Note trong trình chiếu						
9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint						
10. Lưu văn bản và in văn bản						
<b>Tổng số</b>	<b>7.5tiết</b>	<b>45 tiết</b>				

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

**8. Tài liệu học tập** ( Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

### 8.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.
- [3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).
- [4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

### 9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	...						
Buổi 2							
Buổi ...							
Buổi ...	Thi TH/LS						
	<b>TỔNG</b>						

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	<b>I. Hệ thống mạng lan &amp; internet</b>	9 tiết			1 tiết		
Buổi 2	1. Hệ thống mạng Lan	5					
Buổi 3	2. Hệ thống mạng Internet	5					
	<b>II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin</b>	15 tiết					
Buổi 3	1. Các loại OPACs.	4					
Buổi 4	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	4					
Buổi 5	3. Thông tin y học trực tuyến	4					
Buổi 6	4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	3					
	<b>IV. Chương trình</b>	16			4 tiết		

	<b>microsoft powerpoint 2016</b>	<b>tiết</b>				
Buổi 6	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	4				
Buổi 7						
Buổi 8	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio	4				
Buổi 9						
Buổi 10	3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	4				
Buổi 11	4. Sử dụng hình vẽ					
	5. Sử dụng Slide Master					
	6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	4				
	7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	4				
	8. Sử dụng Note trong trình chiếu					
	9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint					
	10. Lưu văn bản và in văn bản					
	<b>Tổng số</b>	<b>40 tiết</b>			<b>5 tiết</b>	

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Tùng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy chiếu, máy tính cấu hình phù hợp để chạy bộ Office 1016, phần mềm Entnote hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.
- ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1 đến CĐR5

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết \* 30% + điểm thực hành 70%

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG KHOA

PT. BỘ MÔN



Nguyễn Văn Tuyết

## GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

<b>Trình độ năng lực</b>	<b>Mô tả</b>
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**  
**TÁC PHẨM KINH ĐIỂN**

Đối tượng đào tạo: **Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền**

Mã số đào tạo: .....

Năm thứ: .....

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: **Tác phẩm kinh điển** (*Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh*)

\* Tiếng Việt:

- Mã Học phần/ Môn học

- Số tín chỉ: 4

- Đối tượng học: **Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền**

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
X		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động (lên lớp/ thực hành/ tự học): 4 tín chỉ

**2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học**

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sau khi học xong môn Tác Phẩm Kinh điển học viên có khả năng:

Nắm được thân thể, sự nghiệp của các y gia nổi tiếng trong tứ đại kinh điển và những tác phẩm kinh điển của các y gia.

Nâng cao trình độ nhận thức về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm trong Tứ đại kinh điển

- Về kỹ năng:

Biết sử dụng kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học viên ý thức được trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp là chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

Tiếp thu cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng

Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ

**\* Ma trận mục tiêu học phân/môn học với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Tác phẩm	Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
Nội kinh	MT 1	Quá trình hình thành và phát triển của sách “nội kinh”.	
	MT2	Nắm được đại cương phần Dưỡng sinh của sách Nội kinh, hiểu rõ tư tưởng của các kinh văn trong phần này	
	MT3	Hiểu được nội dung của Học thuyết Âm – Dương trong nội kinh, đặc điểm phương pháp luận của các kinh văn.	
	MT 4	Nắm vững hàm nghĩa nội dung học thuyết Ngũ hành trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 5	Nắm vững đại cương học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 6	Thuộc được đại cương 12 đường kinh của học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 7	Nắm vững học thuyết Tạng tượng trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 8	Nắm vững đại cương Chẩn pháp trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 9	Nắm vững đại cương Ngũ vận Lục khí trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 10	Nắm vững đại cương Phép tác trị liệu trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
Thương hàn luận	MT 1	nắm được đại cương về Thương hàn luận	
	MT2	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái dương và phương pháp điều trị	
	MT3	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu dương và phương pháp điều trị	
	MT 4	Nắm vững triệu chứng của kinh Dương minh và phương pháp điều trị	
	MT 5	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái âm và phương pháp điều trị	
	MT 6	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu âm và phương pháp điều trị	
	MT 7	Nắm vững triệu chứng của kinh Quyết âm và phương pháp điều trị	
	MT1	Hiểu được hàm nghĩa tên sách, tác giả, tính chất và sự hình thành “Kim quỹ yếu lược”.	



Kim quỹ yếu lược	MT 2	Nấm vững Nguyên tắc điều trị biểu lý đồng bệnh trong kinh văn “Hỏi: Có bệnh cấp phải cứu lý ngay, có bệnh phải cứu biểu ngay, là lẽ vì sao?  Thầy đáp: Bệnh, mà sau khi thầy thuốc cho hạ lại tiếp tục ỉa chảy phân sống không ngừng, toàn thân đau mỏi thì phải cứu lý ngay; nếu sau khi cho hạ mà toàn thân đau nhức, đại tiện tự điều hòa trở lại, thì phải cứu biểu.”	
	MT 3	Nấm vững Nguyên tắc điều trị cũ mới đồng bệnh trong kinh văn: “Người bệnh vốn có bệnh lâu ngày mạn tính khó chữa, lại đột nhiên mắc thêm bệnh khác, điều trị thích hợp là điều trị bệnh mới mắc trước, điều trị bệnh cũ mạn tính sau.”	
	MT 4	Hiểu được Chứng trị của bệnh lịch tiết thể phong thấp lịch tiết trong kinh văn: “Từ chi xương khớp đau nhức, cơ thể suy nhược gây yếu các các khớp sưng to, các khớp xương ở chân sưng to biến dạng đột ngột, chóng mặt đoán khí, nôn nao buồn nôn, dùng bài quế chi thược dược tri mẫu thang chủ trị.”	
	MT 5	So sánh quế chi thược dược tri mẫu thang chứng với ô đầu thang chứng	
	MT 6	Nấm vững Nguyên nhân hình thành, mạch chứng và chẩn đoán phân biệt phế nuy trong kinh văn: “Hỏi: Nhiệt tại thượng tiêu, nhân ho gây thành phế nuy. Bệnh phế nuy, hình thành như thế nào? Thầy đáp: Hoặc do mồ hôi ra mà bị, hoặc do nôn mửa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều, tân dịch vong thất nhiều (mất tân dịch nhiều), mà sinh thành phế nuy. Hỏi: Thốn khẩu mạch sắc, người bệnh ho, khạc nhổ nước dãi, có bọt đục, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Đó là bệnh phế nuy, nếu trong miệng khô táo, đau âm ỉ trong ngực khi ho, mạch lại hoạt sắc, đó là bệnh phế ung, ho, khạc ra máu mủ. Mạch sắc hư, là phế nuy, ác thực là phế ung.”	
	MT 7	Nấm vững Bệnh nguyên bệnh cơ, mạch chứng và dự hậu của phế ung trong kinh văn: “Bệnh khái nghịch, bất mạch, tại sao có thể biết được đây là bệnh phế ung? Bệnh phế ung có máu mủ, nôn ra máu mủ ất chết, mạch lúc này thế nào? Thầy đáp: Mạch thốn khẩu vi mà mạch sắc, vi là do phong, sắc là do nhiệt; vi ất ra mồ hôi (phong trực trúng vào vệ khí, biểu mất kiên cố tấu lý sơ hở thì mồ hôi chảy không ngừng), sắc ất sợ lạnh. Phong trực trúng vào vệ khí, thì thở ra được nhưng không hít vào được (khó thở vào); nhiệt nhập quá độ ở dinh khí, thì hít vào được nhưng không thở ra được (khó thở ra). Phong làm tổn thương bì mao, nhiệt làm tổn thương huyết mạch. Phong nhập vào phế, ất gây ho, miệng khô sưng mãi (khó thở tức ngực), họng khô mà không khát, đôi khi đờm dãi đục có bọt khí, đôi khi sợ lạnh rét run. Sau cơn cơn sốt, huyết bị ngưng trệ, tích kết thành bọc mủ, nôn ra đờm mủ đặc như cháo. Bệnh mới mắc giai đoạn đầu thì có thể chữa được, để thành mủ thì chết!”	

	<b>MT8</b>	Hiểu rõ Thể bệnh và bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Bệnh hung tý, khó thở ho khạc đờm dãi, ngực lưng đau, khí đoản, mạch thốn khẩu trầm mà trì, mạch bộ quan thượng tiểu khẩn sắc, phương dùng qua lâu giới bạch bạch tửu thang chủ trị.</i> ”	
	<b>MT9</b>	Nắm vững Nguyên tắc điều trị, ý nghĩa, nguyên lý điều trị đàm ẩm trong kinh văn: “ <i>Bệnh đàm ẩm, phải dùng ôn dược để hòa</i> ”	
	<b>MT10</b>	Hiểu rõ Thể bệnh và Tính chất bệnh, bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Người bệnh chỉ ẩm ở vùng hoành cách mô, thì khó thở, ngực đầy chướng, vùng dưới tâm thấy đầy chướng cứng, sắc mặt đen xám, mạch trầm khẩn, đã bị bệnh vài mươi ngày, thầy thuốc cho dùng phép thổ, phép hạ mà không khỏi, dùng bài mộc phòng kỷ thang chủ trị. Trường hợp hư bĩ thì bệnh khỏi ngay (vì không có kết tụ). Nếu là thực chứng thì 3 ngày sau lại tái phát (vì có vật thực), cho uống tiếp mộc phòng kỷ thang thì không khỏi, phải dùng bài mộc phòng kỷ thang khí thạch cao gia phục linh mang tiêu thang chủ trị.</i> ”	
<b>Ôn bệnh</b>	<b>MT 1</b>	Hiểu rõ Chứng phong ôn hình thành như thế nào, đặc điểm chứng hậu khi mới phát bệnh có gì và cách chữa.	
	<b>MT 2</b>	Nắm vững cách truyền thuận và nghịch của Chứng phong ôn, Chứng trạng và cách chữa của nó	
	<b>MT 3</b>	Trình bày chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Phong ôn lưu ở biểu	
	<b>MT 4</b>	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng NHIỆT THỊNH VÔ HÌNH trong Nhiệt ở Dương Minh của Phong ÔN	
	<b>MT 5</b>	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Xuân Ôn	
	<b>MT 6</b>	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Nhiệt ở Thiếu dương đờm kinh trong Xuân Ôn	
	<b>MT 7</b>	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thấp Ôn	
	<b>MT 8</b>	Hiểu rõ chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng thấp lãn át vệ khí trong THẤP ÔN	
	<b>MT 9</b>	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thử Ôn	
	<b>MT 10</b>	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Tân dịch và chứng khi sắp	

		thoát trong thử ôn	
--	--	--------------------	--

### 3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Tác phẩm kinh điển bao gồm bốn tác phẩm y học cổ đại nổi tiếng còn được gọi là “Tứ đại kinh điển”, gồm có Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược và Ôn bệnh.

“Nội kinh” hay còn gọi là “Hoàng đế nội kinh” ra đời cách đây hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trong thời kỳ Chiến Quốc. Là bộ sách đầu tiên và là một kiệt tác kinh điển nổi tiếng nhất. Có sớm nhất nói về y học. “Hoàng đế nội kinh” đã luận thuật một cách tung đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ truyền. “Hoàng đế nội kinh” đã đặt nền móng cho sự phát triển của Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong “Hoàng đế nội kinh” vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. “Hoàng đế nội kinh” là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

“Thương hàn tạp bệnh luận” bao gồm 16 cuốn (10 cuốn là Thương hàn luận và 6 cuốn là Kim quỹ yếu lược). Nếu Kim quỹ yếu lược chuyên sâu về tạp bệnh (các bệnh nội khoa) thì Thương hàn luận chuyên sâu về thời bệnh (những bệnh truyền nhiễm), lấy lục kinh biện chứng làm cơ sở y lý để biện chứng luận trị. Cho dù dành chủ yếu cho điều trị các bệnh truyền nhiễm nhưng những phương thang trong Thương hàn luận được nhiều thế hệ các thầy thuốc y học cổ truyền của nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... vận dụng trong điều trị các bệnh nội khoa đã thu được hiệu quả cao. Trương Trọng Cảnh (Nhà danh y của nền Y học cổ truyền Trung Quốc) được suy tôn là Trọng Thánh là tác giả của bộ sách Thương hàn tạp bệnh luận. Với sự ra đời gần hai thiên niên kỷ tới nay bộ sách vẫn còn nguyên giá trị về y lý y học cổ truyền và thực tiễn lâm sàng.

Hàn lâm Học sĩ Vương Chu tại quán khách phát hiện ra Trọng cảnh Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương gồm 3 quyển: quyển Thượng là Thương hàn, quyển Trung là Tạp bệnh, quyển hạ là Các phương pháp điều trị phụ khoa. Đối với Kim quỹ yếu lược cũng có nhiều chú thích khác nhau như: do thời gian quyển sách hiện hành này đầu tiên Vương Chu phát hiện nhưng trải qua hiệu đính của các thời đại, nên mỗi tác giả có phần chú thích riêng; tại sao có tên là Kim quỹ ngọc hàm phương mà không gọi là Thương hàn tạp bệnh luận, nguyên do người xưa gọi những cuốn sách quý là “Kim quỹ” hoặc “Ngọc hàm”.

Vì vậy Hàn thư cao kỹ như hầu nói: “Kim quỹ do kim đằng dã” giải thích rằng lấy vàng làm hàm, giữ gìn bảo vệ các nghĩa. Vì thế ta nói Thương hàn tạp bệnh luận là tên gốc của sách Trọng cảnh. “Kim quỹ” và “Ngọc hàm” là tên gọi vinh dự của người đời tán thưởng sách Trọng cảnh. Vì vậy nhiều tác giả gọi Thương hàn luận là Ngọc hàm cũng là lý do đó.

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh là một trong các phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính nhiệt như: Nóng, khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều, họng táo, tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, hôn mê, nói nhảm, co giật, mạch sắc...vv. Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị. Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một địa phương bị bệnh như nhau gọi là dịch. Ôn bệnh là do ôn tà gây nên, nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh.

Nắm được biện chứng của Ôn bệnh giúp các bác sĩ YHCT có phương pháp điều trị tốt đối với các bệnh Truyền nhiễm hiện nay. Kết hợp nhuần nhuyễn YHHĐ và YHCT sẽ đưa lại hiệu quả điều trị cao trong chuyên khoa Truyền nhiễm.

#### 4. Tài liệu học tập:

##### 4.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nội kinh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Thương hàn luận, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Kim Quỹ Yếu lược, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Ôn bệnh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

##### 4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

#### 5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

#### 6. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Thực hành/ lâm sàng:

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt ..... %

### 7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ). Đánh giá theo thang điểm 10 (đối với chương trình đào tạo chuyên khoa 1, chuyên khoa 2).

### 8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số %

- Hình thức đánh giá:

Tự luận  Trắc nghiệm  Thảo luận nhóm  Bài tập lớn

Thực hành  Khác

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số %

- Hình thức thi: Tự luận  Trắc nghiệm

Thực hành  Vấn đáp

### 9. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Nội kinh	Chương I: Dưỡng sinh	2	0	0	2		
	Chương II: Học thuyết âm dương, ngũ hành	2	0	0	2		
	Chương III: Học thuyết tạng tượng	2	0	0	2		
	Chương IV: Học thuyết Kinh lạc	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh năng	2	0	0	2		
	Chương VI: Chẩn Pháp	2	0	0	2		
	Chương VII: Phép tác trị liệu	2	0	0	2		

	Chương VIII: Ngũ Vận – Lục khí	2	0	0	2		
Thương hàn luận	Đại cương về thương hàn luận	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái dương (bàng quang tiểu trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu dương (đờm, tam tiêu)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Dương minh (vị, đại trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái âm (tỳ, phê)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu âm (tâm, thận)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Quyết âm (can, tâm bào)	2	0	0	2		
Kim quỹ yếu lược	Chương I: Mạch chứng tiên hậu bệnh tạng phủ kinh lạc Chương II: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh thấp và trúng thử	1	0	0	1		
	Chương III: Cách chữa bệnh bách hợp; hồ hoặc, âm độc Chương IV: Mạch chứng và cách chữa bệnh ngược (sốt rét)	1	0	0	1		
	Chương V: Mạch chứng và cách chữa bệnh trúng phong, lịch tiết phong Chương VI: Mạch chứng và cách chữa bệnh huyết tý hư lao	1	0	0	1		
	Chương VII: Mạch chứng và cách chữa các bệnh phế nuy, phế ung và ho thở khí đưa lên Chương VIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh bồn độn khí	1	0	0	1		
	Chương IX: Mạch chứng và cách chữa bệnh hung tý, tâm thống và đoản khí Chương X: Mạch chứng và cách chữa bệnh phúc mãn, hàn sán và túc thực	1	0	0	1		

	Chương XI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phong hàn tích tụ ở ngũ tạng Chương XII: Mạch chứng và cách chữa bệnh đàm ẩm, khái khẩu	1	0	0	1		
	Chương XIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh tiêu khát, bệnh lâm Chương XIV: Mạch chứng và cách chữa bệnh thủy khí	1	0	0	1		
	Chương XV: Mạch chứng và cách chữa bệnh hoàng đản Chương XVI: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh quý, thổ nục, hạ huyết, ngực đầy, ứ huyết	1	0	0	1		
	Chương XVII: Mạch chứng và cách chữa bệnh ẩu thổ, uế, hạ lợi Chương XVIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh sang ung, trường ung, tẩm dâm bệnh	1	0	0	1		
	Chương XIX: Mạch chứng và cách chữa bệnh phu quyết, sưng đau ngón tay cánh tay, chuyển cân, hồ sán, hồi trùng Chương XX: Mạch chùng và cách chữa bệnh thai nghén ở phụ nữ	1	0	0	1		
	Chương XXI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phụ nữ sau đẻ Chương XXII: Mạch chứng và cách chữa tạp bệnh ở phụ nữ	1	0	0	1		
Ôn bệnh	Chương I: Bệnh phong ôn	2	0	0	2		
	Chương II: Bệnh xuân ôn	2	0	0	2		
	Chương III: Bệnh thử ôn	2	0	0	2		
	Chương IV: Bệnh thấp ôn	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh phụ thử	2	0	0	2		
	Chương VI: Bệnh thu táo	2	0	0	2		
	Chương VII: Ôn độc	2	0	0	2		
	Chương VIII: Ôn dịch	2	0	0	2		
	Chương IX: Đông ôn	2	0	0	2		



*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 10.*

**Thông tin về giảng viên**

- **Họ và tên: PGS.TS Vũ Nam**

- **ĐT:0978163646**

- **Email:**

- **Họ và tên: PGS.TS Phạm Quốc Bình**

- **ĐT 0912757262**

- **Email: phamquocbinh68@gmail.com**

- **Họ và tên: GS.TS Trương Việt Bình**

- **ĐT 0369688688**

- **Email:**

- **Họ và tên: TS Trần Thị Hồng Ngai**

- **ĐT 0915009672**

- **Email: Ngaidytw72@yahoo.com**

- **Họ và tên: TS Nguyễn Duy Tuân**

- **ĐT 0828991883**

- **Email: tuanzibi@gmail.com**

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA  
(Ký, ghi rõ họ tên)**

**KHOA/BỘ MÔN**



**Trần Thị Hồng Ngai**

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Bác sĩ nội trú, Mã số đào tạo:  
Năm thứ: 2

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp giảng dạy đại học
- \* Tiếng Việt: Phương pháp giảng dạy đại học
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Đào tạo Bác sĩ nội trú
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- \* Lý thuyết: 30 tiết
- \* Thực hành: 30 tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
<b>Mục tiêu (Gx) [1]</b>	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CĐR 5, CĐR 11, CĐR13, CĐR17	3
MT2	Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CĐR 5, CĐR 11,	3
	<b>Kỹ năng</b>		
MT3	+ Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu + Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CĐR 5, CĐR 11, CĐR13, CĐR17	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	+ Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CĐR 5, CĐR 11, CĐR13, CĐR17	3
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CĐR17	3

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	<b>CLO1:</b> Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
<b>MT2:</b> Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	<b>CLO2:</b> Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT3:</b> - Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu - Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	<b>CLO3:</b> Viết được mục tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng

MT4 + Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CLO4 : Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định ) và giảng thử
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT5: Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CLO5: Thể hiện 4 vai trò của kế hoạch bài giảng

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	3				
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu			3	3	3
Thiết kế kế hoạch bài giảng			3	3	3
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập			3		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	3		3	3
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	3		3	3

**6. Mô tả Học phần/ Môn học**

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều

kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

## 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4				4		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4				4		
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4				4		
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4				4		
Thiết kế kế hoạch bài giảng	4				4		
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4				4		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3				3		
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3				3		

## 8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu tham khảo (TLTK) 4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

## 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học
- (2) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.
- (3) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.
- (4) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.
- (5) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

## 9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Tự học (Giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	KT	BT	TL	Khác		
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4						4
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4						4
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4						4
4	Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4						4

5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4					4
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4					4
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3					3
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3			3		3

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề  
 Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập



## 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CĐR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi viết tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 6.0 điểm trở lên

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KHOA/BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Bác sĩ nội trú, Mã số đào tạo: 62726001  
Năm thứ: 2

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp giảng dạy đại học
- \* Tiếng Việt: Phương pháp giảng dạy đại học
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Đào tạo Bác sĩ nội trú
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- \* Lý thuyết: 30 tiết
- \* Thực hành: 30 tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CĐR 5, CĐR 11, CĐR13, CĐR17	3
MT2	Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CĐR 5, CĐR 11,	3
	<b>Kỹ năng</b>		
MT3	+ Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu + Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CĐR 5, CĐR 11, CĐR13, CĐR17	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	+ Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CĐR 5, CĐR 11, CĐR13, CĐR17	3
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT5	Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CĐR17	3

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CLO1: Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
MT2: Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CLO2: Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy
<b>Kỹ năng</b>	
MT3: - Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu  - Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CLO3: Viết được mục tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng

<b>MT4</b> + Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	<b>CLO4</b> : Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định) và giảng thử
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>MT5</b> : Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	<b>CLO6</b> : Thể hiện 4 vai trò của kế hoạch bài giảng

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	3				
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu			3	3	3
Thiết kế kế hoạch bài giảng			3	3	3
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập			3		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	3		3	3
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	3		3	3
Thực hành viết mục tiêu bài giảng			3	3	3

Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử				3	3
--	--	--	--	---	---

## 6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

## 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		
	LT	TH	BT/TL/KT				
Thực hành viết mục tiêu bài giảng		15			15		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử		15			15		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu tham khảo (TLTK) 4.1. Tài liệu chính (TLC)

(6) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học

(7) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(8) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(9) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(10) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

### 9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)	
		Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT	TL	Khác		
1	Thực hành viết mục tiêu bài giảng		15				15	
2	Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử		15				15	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].



- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CĐR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi viết tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 6.0 điểm trở lên

#### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KHOA/BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2020.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Bác sĩ nội trú, Mã số đào tạo:  
Năm thứ: 2

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- \* Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Đào tạo Bác sĩ nội trú
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- \* Lý thuyết: 30 tiết
- \* Thực hành: 30 tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
<b>Mục tiêu (Gx) [1]</b>	<i>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</i>	<i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học	CĐR 2, CĐR 13, CĐR18, CĐR20	3
MT2	Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học	CĐR 2, CĐR 13,	3
	<b>Kỹ năng</b>		
MT3	- Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp - Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.	CĐR 2, CĐR 13, CĐR18, CĐR20	3
MT4	- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.	CĐR 2, CĐR 13, CĐR18, CĐR20	3

2  Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2]  (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]  (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4]  (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề	CĐR18, CĐR20	3

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học	<b>CLO1:</b> Phân tích được ưu và nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu và ứng dụng
<b>MT2:</b> Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học	<b>CLO2:</b> Xác định rõ vai trò ý nghĩa của thể lệ đăng bài của tạp chí khoa học và cách viết công bố khoa học
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT3:</b> - Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp  - Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.	<b>CLO3:</b> - Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp với biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số của 01 đề tài
<b>MT4</b> - Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.	<b>CLO4</b> : Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu (giả định)
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	

<b>MT5:</b> Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề	<b>CLO5:</b> Thể hiện tính trung thực, đạo đức nghiên cứu trong đề cương nghiên cứu khoa học
--	--

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	3				
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	3				
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	3				
Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.			3	3	3
Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế			3	3	3
Công cụ thu thập thông tin			3		
Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3	3		3	3
Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học, công bố khoa học	3	3		3	3
Thực hành phân tích số liệu trên phần mềm SPSS.			3	3	3
Thực hành viết được một đề cương nghiên cứu				3	3
Thực hành viết được một báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học y học và công bố	3	3		3	3

## 6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

## 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		
	LT	TH	BT/TL/KT				
Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	4				4		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	4				4		
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	4				4		
Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4				4		
Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế	4				4		
Công cụ thu thập thông tin	4				4		



Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3				3		
Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học, công bố khoa học	3				3		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương Pháp nghiên cứu khoa học (tài liệu lưu hành nội bộ).

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học và sức khỏe cộng đồng. NXB Y học 2004.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2008). Xác suất thống kê, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Giáo trình lý thuyết dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học Y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Trương Việt Dũng (2017), Nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

## 9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)	
		Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
		LT	KT	BT	TL	Khác		
1	Thiết kế nghiên cứu khoa học;	4					4	

	Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát						
2	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	4					4
3	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	4					4
4	Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4					4
5	Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế	4					4
6	Công cụ thu thập thông tin	4					4
7	Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3					3
8	Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học	3			3		3

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

### **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CĐDR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm đánh giá kết thúc học phần từ 6.0 trở lên

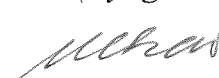
#### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KHOA/BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (thực hành)**

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Bác sĩ nội trú, Mã số đào tạo: 62726001  
Năm thứ: 2

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- \* Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Đào tạo Bác sĩ nội trú
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- \* Lý thuyết: 30 tiết
- \* Thực hành: 30 tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
<b>Mục tiêu (Gx) [1]</b>	<i>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</i>	<i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học		3
MT2	Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học		2
	<b>Kỹ năng</b>		
MT3	- Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp  - Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không ché sai số.		3
MT4	- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.		3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2]  (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]  (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4]  (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề		3

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học	<b>CLO1:</b> Phân tích được ưu và nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu và ứng dụng
<b>MT2:</b> Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học	<b>CLO2:</b> Xác định rõ vai trò ý nghĩa của thể lệ đăng bài của tạp chí khoa học và cách viết coogn bố khoa học
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT3:</b> - Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp  - Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.	<b>CLO3:</b> - Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp với biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số của 01 đề tài
<b>MT4</b> - Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.	<b>CLO4</b> : Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu (giả định)
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	



<b>MT5:</b> Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề	<b>CLO6:</b> Thể hiện tính trung thực, đạo đức nghiên cứu trong đề cương nghiên cứu khoa học
--	--

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	3				
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	3				
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	3				
Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.			3	3	3
Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế			3	3	3
Công cụ thu thập thông tin			3		
Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3	3		3	3
Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học, công bố khoa học	3	3		3	3
Thực hành phân tích số liệu trên phần mềm SPSS.			3	3	3
Thực hành viết được một đề cương nghiên cứu				3	3

Thực hành viết được một báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học y học và công bố	3	3		3	3
---	---	---	--	---	---

## 6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

## 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Thực hành phân tích số liệu trên phần mềm SPSS.		5				5	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thực hành viết được một đề cương nghiên cứu		15				15	
Thực hành viết được một báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học y học và công bố		10				10	

## 8. Tài liệu học tập

### 4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương Pháp nghiên cứu khoa học (tài liệu lưu hành nội bộ).

### 4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học và sức khỏe cộng đồng. NXB Y học 2004.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

3. Bộ Y tế (2008). Xác suất thống kê, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Giáo trình lý thuyết dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học Y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Trương Việt Dũng (2017), Nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

### 9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học thực hành

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Tự học (Giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	KT	BT	TL	Khác		
1	Thực hành phân tích số liệu trên phần mềm SPSS.		5				5	
2	Thực hành viết được một đề cương nghiên cứu		15				15	
3	Thực hành viết được một báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học y học		10				10	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề  
 Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- *Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].*

- *Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].*

- *Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]*

- *Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5*

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần		Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐDR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%	Báo cáo tóm tắt đề cương đúng yêu cầu	CĐR 3 đến CĐR 4
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đề cương đúng yêu cầu	CĐR 1 đến CĐR 4

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm đánh giá kết thúc học phần từ 6.0 trở lên

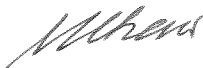
#### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KHOA/BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Nội trú., Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành YHCT

### 1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

\* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu

\* Tiếng Anh: Resuscitation

- Mã Học phần/ Môn học: HVNK

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Bác sĩ Nội trú

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> X		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/> X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 48 tiết

\* Lý thuyết: 48 tiết

\* Bài tập: tiết

\* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

\* Kiểm tra: tiết

- Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC& chống độc

### 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	<a href="mailto:drtranvanphu@yahoo.com">drtranvanphu@yahoo.com</a>
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	<a href="mailto:drvuducdinh@gmail.com">drvuducdinh@gmail.com</a>

3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	<u>theanhstc@gmail.com</u>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<b>2</b> <b>Mục tiêu</b> <b>(Gx) [1]</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b> (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	<b>CĐR của CTĐT</b> <b>(X.x.x) [3]</b> (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	<b>Mức độ [4]</b> (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Trình bày lập luận, giải thích được đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 8] , [CĐR 9]	5
MT2	Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 8] , [CĐR 9]	5
MT3	Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 8] , [CĐR 9]	5
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 8] , [CĐR 9]	5
MT5	Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 8] , [CĐR 9]	5
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR18], [CĐR19]	3

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

<b>Mục tiêu học phần/ mô đun</b>	<b>CĐR của học phần/ mô đun (CLO)</b>
----------------------------------	---------------------------------------



<b>Kiến thức</b>	
<p>MT1: Trình bày lập luận, giải thích được đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.</p> <p>MT2: Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).</p> <p>MT3: Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>	<p>CLO1: Trình bày lập luận, giải thích được đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.</p> <p>CLO2: Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).</p> <p>CLO3 Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>
<b>Kỹ năng</b>	
<p>MT4: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức</p> <p>MT5: Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>	<p>CLO4: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức</p> <p>CLO5: Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<p>MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện</p>	<p>CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.</p>

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6

Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3	3	3	3	3	2
Ngừng tuần hoàn	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3	3	3	3	3	2
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	3	2
Suy hô hấp cấp	3	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	3	2
Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	3	3	2
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3	3	3	3	3	2
Suy tim mất bù cấp	3	3	3	3	3	2
Kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	3	3	3	3	3	2
Các rối loạn toan – kiềm do hô hấp	3	3	3	3	3	2
Các rối loạn toan – kiềm nguồn gốc chuyển hóa	3	3	3	3	3	2
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3	3	3	3	3	2
Ngừng tuần hoàn	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3	3	3	3	3	2
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	3	2
Suy hô hấp cấp	3	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	3	2
Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	3	3	2
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3	3	3	3	3	2

Suy tim mất bù cấp	3	3	3	3	3	2
Kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	3	3	3	3	3	2
Các rối loạn toan – kiểm do hô hấp	3	3	3	3	3	2
Các rối loạn toan – kiểm nguồn gốc chuyển hóa	3	3	3	3	3	2

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh cấp cứu; hướng dẫn người học kỹ năng lập luận chẩn đoán và đưa ra nguyên tắc điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

**7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ngừng tuần hoàn	04			2		
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04			2		
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04			1		
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04			2		
Ngộ độc cấp	02			1		
Suy hô hấp cấp	04			2		
Phù phổi cấp	02			1		
Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	02			1		
Con tăng huyết áp	02			1		
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	04			2		
Suy tim mất bù cấp	02			1		

Kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	02			1		
Các rối loạn toan – kiềm do hô hấp	04			1		
Các rối loạn toan – kiềm nguồn gốc chuyển hóa	04			2		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (2012), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
6. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
7. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					04
2.	Ngừng tuần hoàn	04					04
3.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04					04
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04					04
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04					04
6.	Ngộ độc cấp	02					02

7.	Suy hô hấp cấp	04					04
8.	Phù phổi cấp	02					02
9.	Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	02					02
10.	Con tăng huyết áp	02					02
11.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	04					04
12.	Suy tim mất bù cấp	02					02
13.	Kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	02					02
14.	Các rối loạn toan – kiềm do hô hấp	04					04
15.	Các rối loạn toan – kiềm nguồn gốc chuyển hóa	04					04

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Tùm cặp / Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 8, CDR 9

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm  
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 8, CĐR 9

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = ( điểm lý thuyết x3 + điểm lâm sàng x5)/8

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Nội trú., Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành YHCT

### 1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

\* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu

\* Tiếng Anh: Resuscitation

- Mã Học phần/ Môn học: HVNK

- Số tín chỉ: 05

- Đối tượng học: Bác sĩ Nội trú

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết

\* Thực hành: 225 tiết

\* Bài tập: tiết

\* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

\* Kiểm tra: tiết

- Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn HSCC & chống độc

### 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	<a href="mailto:drtranvanphu@yahoo.com">drtranvanphu@yahoo.com</a>
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	<a href="mailto:drvuducdinh@gmail.com">drvuducdinh@gmail.com</a>



3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	<a href="mailto:theanhstc@gmail.com">theanhstc@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
MT2	Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
	<b>Kỹ năng</b>		
MT3	Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
MT4	Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
MT5	Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp..	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm	[CĐR18], [CĐR19]	3

<b>2</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b>	<b>CDR của CTĐT</b>	<b>Mức độ [4]</b>
<b>Mục tiêu (Gx) [1]</b>	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	<b>(X.x.x) [3]</b> (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện		

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	<b>CLO1:</b> Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu
MT2: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	<b>CLO 2:</b> Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).
<b>Kỹ năng</b>	
MT3: Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	<b>CLO 3:</b> Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu.
MT4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	<b>CLO4:</b> Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời
MT5: Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp..	<b>CLO5:</b> Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT6: Rèn luyện ý thức trách	<b>CLO 6:</b> Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá

nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.
--	---

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3	3	3	3	3	1
Đại cương về suy hô hấp cấp	3	3	3	3	3	1
Suy hô hấp cấp	3	3	3	3	3	1
Hen phế quản cấp	3	3	3	3	3	1
Cấp cứu suy hô hấp trong tràn khí màng phổi	3	3	3	3	3	1
Cấp cứu suy hô hấp trong tràn dịch màng phổi	3	3	3	3	3	1
Phù phổi cấp	3	3	3	3	3	1
Điện tim cơ bản	3	3	3	3	3	1
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	3	1
Cấp cứu ngừng tuần hoàn	3	3	3	3	3	1
Nhồi máu cơ tim cấp	3	3	3	3	3	1
Rối loạn nhịp tim thường gặp: Cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất; rung nhĩ; ngoại tâm thu thất nhịp đôi; rung thất; bloc nhĩ thất, hội chứng nhịp nhanh/ chậm....	3	3	3	3	3	1
Đại cương về sốc	3	3	3	3	3	1
Sốc phản vệ	3	3	3	3	3	1
Sốc tim	3	3	3	3	3	1
Sốc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	3	1
Sốc giảm thể tích	3	3	3	3	3	1
Tăng kali máu	3	3	3	3	3	1
Hạ kali máu	3	3	3	3	3	1
Hạ canxi máu	3	3	3	3	3	1
Hạ natri máu	3	3	3	3	3	1

Suy thận cấp	3	3	3	3	3	1
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	3	1
Ngộ độc methanol	3	3	3	3	3	1
Hôn mê nhiễm toan ceton	3	3	3	3	3	1
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	3	1
Hôn mê hạ đường huyết	3	3	3	3	3	1
Xuất huyết não	3	3	3	3	3	1
Nhồi máu não	3	3	3	3	3	1
Chấn thương sọ não	3	3	3	3	3	1
Các thủ thuật trong hồi sức cấp cứu	3	3	3	3	3	1
Thở máy trong hồi sức cấp cứu	3	3	3	3	3	1
Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu	3	3	3	3	3	1
Dự phòng nhiễm khuẩn trong hồi sức cấp cứu	3	3	3	3	3	1
Rối loạn thăng bằng kiềm toan	3	3	3	3	3	1
Cấp cứu sốc mất máu trong bệnh lý tiêu hóa	3	3	3	3	3	1
Cấp cứu sốc mất máu trong chấn thương	3	3	3	3	3	1
Cấp cứu trong chấn thương sọ não	3	3	3	3	3	1
Xử lý các vết thương trong cấp cứu	3	3	3	3	3	1

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Hồi sức cấp cứu là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về một số bệnh cấp cứu thường gặp. Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định tình trạng cấp cứu, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị, Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC		4		4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia
Đại cương về suy hô hấp cấp		4		4	4	

Suy hô hấp cấp		4	4	4	thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Hen phế quản cấp		4	4	4	
Cấp cứu suy hô hấp trong tràn khí màng phổi		4	4	4	
Cấp cứu suy hô hấp trong tràn dịch màng phổi		4	4	4	
Phù phổi cấp		4	4	4	
Điện tim cơ bản		4	4	4	
Cơn tăng huyết áp		4	4	4	
Cấp cứu ngừng tuần hoàn		4	4	4	
Nhồi máu cơ tim cấp		4	4	4	
Rối loạn nhịp tim thường gặp: Cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất; rung nhĩ; ngoại tâm thu thất nhịp đôi; rung thất; bloc nhĩ thất, hội chứng nhịp nhanh/ chậm....		8	8	8	
Đại cương về sốc		4	4	4	
Sốc phản vệ		4	4	4	
Sốc tim		4	4	4	
Sốc nhiễm khuẩn		4	4	4	
Sốc giảm thể tích		4	4	4	
Tăng kali máu		4	4	4	
Hạ kali máu		4	4	4	
Hạ canxi máu		4	4	4	
Hạ natri máu		4	4	4	
Suy thận cấp		4	4	4	
Ngộ độc cấp		4	4	4	
Ngộ độc methanol		4	4	4	
Hôn mê nhiễm toan ceton		4	4	4	
Hôn mê tăng ALTT		4	4	4	
Hôn mê hạ đường huyết		4	4	4	
Xuất huyết não		4	4	4	
Nhồi máu não		4	4	4	
Chấn thương sọ não		4	4	4	
Các thủ thuật trong hồi sức cấp cứu		4	4	4	

Thở máy trong hồi sức cấp cứu		4		4	4
Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu		4		4	4
Dự phòng nhiễm khuẩn trong hồi sức cấp cứu		4		4	4
Rối loạn thăng bằng kiểm toán		4		4	4
Cấp cứu sốc mất máu trong bệnh lý tiêu hóa		4		4	4

## 8. Tài liệu học tập

### 8.18.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hồi sức cấp cứu (2009), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đính và cộng sự, nhà xuất bản y học.
- Hồi sức cấp cứu (2002), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
- Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập
- Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

## 9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Làm sản g	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	4					4
2.	Đại cương về suy hô hấp cấp	4					4
3.	Suy hô hấp cấp	4					4
4.	Hen phế quản cấp	4					4
5.	Cấp cứu suy hô hấp trong tràn khí màng phổi	4					4
6.	Cấp cứu suy hô hấp trong	4					4

	tràn dịch màng phổi					
7.	Phù phổi cấp	4				4
8.	Điện tim cơ bản	4				4
9.	Cơn tăng huyết áp	4				4
10.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn	4				4
11.	Nhồi máu cơ tim cấp	4				4
12.	Rối loạn nhịp tim thường gặp: Con nhịp nhanh kịch phát trên thất; rung nhĩ; ngoại tâm thu thất nhịp đôi; rung thất; block nhĩ thất, hội chứng nhịp nhanh/ chậm....	8				8
13.	Đại cương về sốc	4				4
14.	Sốc phản vệ	4				4
15.	Sốc tim	4				4
16.	Sốc nhiễm khuẩn	4				4
17.	Sốc giảm thể tích	4				4
18.	Tăng kali máu	4				4
19.	Hạ kali máu	4				4
20.	Hạ canxi máu	4				4
21.	Hạ natri máu	4				4
22.	Suy thận cấp	4				4
23.	Ngộ độc cấp	4				4
24.	Ngộ độc methanol	4				4
25.	Hôn mê nhiễm toan ceton	4				4
26.	Hôn mê tăng ALTT	4				4
27.	Hôn mê hạ đường huyết	4				4
28.	Xuất huyết não	4				4
29.	Nhồi máu não	4				4
30.	Chấn thương sọ não	4				4
31.	Các thủ thuật trong hồi sức cấp cứu	4				4
32.	Thở máy trong hồi sức cấp cứu	4				4
33.	Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu	4				4

34.	Dự phòng nhiễm khuẩn trong hồi sức cấp cứu	4				4
35.	Rối loạn thăng bằng kiêm toan	4				4
36.	Cấp cứu sốc mất máu trong bệnh lý tiêu hóa	4				4

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề   
 Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng   
 Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 8, CDR 9

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá



Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CDR 3 , CDR 7, CDR 8, CDR 9

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = ( điểm lý thuyết x5 + điểm lâm sàng x7)/12

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

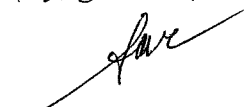
**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**KHOA/BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Trần Văn Phú

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**LÝ THUYẾT PHƯƠNG TẾ LÂM SÀNG**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành YHCT, Mã số đào tạo:

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần: Phương tế học lâm sàng
- \* Tiếng Việt: *Phương tế học lâm sàng*
- \* Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical
- Mã học phần/ mô đun: HVPT
- Số tín chỉ: 02 LT (15 tiết), 01 LS (45 tiết)
- Đối tượng học: bác sĩ nội trú ngành YHCT năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Y lý YHCT, Đông dược, Bệnh học Nội YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành:
  - + Bài tập: .... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: .... tiết
  - + Kiểm tra: ... tiết
  - + Thời gian tự học: .... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tế

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1.	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com
----	-------------------------	------------	----------------------

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT 1	+ Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc + Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc + So sánh được phương thuốc cùng nhóm	3, 6	Bloom 2001   Bậc 2 Bloom 2001   Bậc 3 Bloom 2001   Bậc 4
MT2	Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	7	Dave 1975 bậc 4
MT3	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	13,21	Krathwohl bậc 3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
-------------------	------------------

<b>Kiến thức</b>	
MT1: Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc	<p>CĐR(3): Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, lý luận YHCT và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo YHCT kết hợp với YHHĐ</p> <p>CĐR (6): Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn</p>
MT2: Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT	
MT3: Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc	
MT4: So sánh được phương thuốc cùng nhóm	
<b>Kỹ năng</b>	
MT1: Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	CĐR (7): thực hành thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh, phục hồi sức khỏe cho người bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp YHHĐ.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT1: Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	<p>CĐR (13): có kỹ năng tự học, khả năng thực hiện độc lập đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.</p> <p>CĐR (21): tinh thần tập thể, thái độ sẵn sàng tham gia các công tác chuyên môn để phục vụ các yêu cầu của cộng đồng.</p>

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR3	CĐR6	CĐR7	CĐR13	CĐR21
<b>CHƯƠNG 1</b> Nguyên tắc trị liệu YHCT	3	3	3	3	3

Phương thuốc giải biểu					
Phương thuốc thanh nhiệt					
<b>CHƯƠNG 2</b>	3	3	3	2	2
Phương thuốc hoà giải					
Phương thuốc ôn lý					
Phương thuốc trừ phong					
Phương thuốc trừ thấp					
Phương thuốc trừ phong thấp					
<b>CHƯƠNG 3</b>	3	3	3	2	2
Phương thuốc an thần					
Phương thuốc cố sáp					
Phương thuốc lý khí					
Phương thuốc lý huyết					
Phương thuốc trừ đàm					
<b>CHƯƠNG 4</b>	3	3	3	2	2
Phương thuốc bổ					

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT			
<b>Chương 1:</b> Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt	08					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

<b>Chương 2:</b> Phương thuốc hoà giải- Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong- Phương thuốc trừ thấp- Phương thuốc trừ phong thấp	08						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
<b>Chương 3:</b> Phương thuốc an thần- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm	08						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
<b>Chương 4:</b> Phương thuốc bổ	06						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

**8. Tài liệu học tập ( Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)**

**8.1. Tài liệu chính (TLC)**

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn

**8.2. Tài liệu tham khảo**

1. 中甲 (2021), 方学. 新世 - 全国高等中医院校划教材, 供中医用。中国中医出版社。

Đặng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y dược trong toàn quốc- Thế kỷ mới. Hải thượng Y tông tâm lĩnh – NXB Y Học 2008

2. - 彭仁 (2015), 中医方大辞典, 人民生出版社。

Bành Hoài Nhân (1994). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

3. Viện y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tễ học giảng nghĩa*, Nhà xuất bản Y học.

4. Trần Văn Bản (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học.

**9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết**

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	KT	BT	TL	Các hình thức khác	
1	Nguyên tắc trị liệu YHCT Phương thuốc giải biểu Phương thuốc thanh nhiệt	08					
2	Phương thuốc hoà giải Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong Phương thuốc trừ thấp Phương thuốc trừ phong thấp	08					
3	Phương thuốc an thần Phương thuốc cố sáp	08					

	Phương thuốc lý khí						
	Phương thuốc lý huyết						
	Phương thuốc trừ đàm						
4	Phương thuốc bổ	06					
	<b>TỔNG</b>	30					

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm



TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tiểu luận	100%		3, 6, 7, 13, 21

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PT. BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*PGS.TS Trần Thị Thu Vân*

## GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

<b>Trình độ năng lực</b>	<b>Mô tả</b>
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**LÂM SÀNG PHƯƠNG TỄ LÂM SÀNG**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành YHCT, Mã số đào tạo:

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần: Phương tễ học lâm sàng
- \* Tiếng Việt: *Phương tễ học lâm sàng*
- \* Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical
- Mã học phần/ mô đun: HVPT
- Số tín chỉ: 02 LT (15 tiết), 01 LS (45 tiết)
- Đối tượng học: bác sĩ nội trú ngành YHCT năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Y lý YHCT, Đông dược, Bệnh học Nội YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Lâm sàng: 45 tiết
  - + Bài tập: .... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: .... tiết
  - + Kiểm tra: ... tiết
  - + Thời gian tự học: .... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tễ

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1.	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com
----	-------------------------	------------	----------------------

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT 1	+ Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc + Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc + So sánh được phương thuốc cùng nhóm	3, 6	Bloom 2001 Bậc 2 Bloom 2001 Bậc 3 Bloom 2001 Bậc 4
MT2	Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	7	Dave 1975 bậc 4
MT3	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	13,21	Krathwohl bậc 3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
	Kiến thức

MT1: Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc	<p>CĐR(3): Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, lý luận YHCT và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo YHCT kết hợp với YHHĐ</p> <p>CĐR (6): Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn</p>
MT2: Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT	
MT3: Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc	
MT4: So sánh được phương thuốc cùng nhóm	
<b>Kỹ năng</b>	
MT1: Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	CĐR (7): thực hành thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh, phục hồi sức khỏe cho người bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp YHHĐ.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT1: Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	<p>CĐR (13): có kỹ năng tự học, khả năng thực hiện độc lập đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.</p> <p>CĐR (21): tinh thần tập thể, thái độ sẵn sàng tham gia các công tác chuyên môn để phục vụ các yêu cầu của cộng đồng.</p>

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR3	CĐR6	CĐR7	CĐR13	CĐR21
Bình bệnh án điều trị chứng thất miên	3	3	3	3	3
Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tý	3	3	3	2	2

Bình bệnh án điều trị chứng huyễn vựng	3	3	3	2	2
Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong	3	3	3	2	2
Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp	3	3	3	2	2
Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả	3	3	3	2	2
Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát	3	3	3	2	2
Thi lâm sàng					

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH/LS	BT/TL/KT				
Bình bệnh án điều trị chứng thất miên		6					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tý		6					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Bình bệnh án điều trị chứng huyễn vựng		6					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong		6					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp		6					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả		4					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát		5					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Thi lâm sàng		6					Sinh viên làm bệnh án Hỏi thi vấn đáp

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

### **8. Tài liệu học tập ( Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)**

#### **8.1. Tài liệu chính (TLC)**

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn

#### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. 邓中甲 (2021), 方剂学. 新世纪 – 全国高等中医院校规划教材, 供 中 医 药 类 专 业 用。中国中医药出版社.

Đặng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y dược trong toàn quốc- Thế kỷ mới.Hải thượng Y tông tâm lĩnh – NXB Y Học 2008

2. - 彭怀仁 (2015), 中医方剂大辞典, 人民卫生出版社.

Bành Hoài Nhân (1993). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

3. Phương tễ giảng nghĩa – GS Hoàng Bảo Châu – NXB Y học

### **9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng**

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)		Sinh viên tự
		Lên lớp (Tiết)		

		LT	KT	BT	TL/LS	Các hình thức khác	học, tự nghiên cứu (giờ)
1	Bình bệnh án điều trị chứng thất miên				6		
2	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tý				6		
3	Bình bệnh án điều trị chứng huyễn vựng				6		
4	Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong				6		
5	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp				6		
6	Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả				4		
7	Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát				5		
8	Thi lâm sàng				6		
	<b>TỔNG</b>				<b>45</b>		

#### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

#### 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

##### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

##### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.



✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Lâm sàng	100%		CĐR 13, 21
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Tiểu luận	100%		CĐR 3, 6, 7

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết × 2 + điểm lâm sàng × 1) / 3 đạt từ 7 điểm trở lên

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

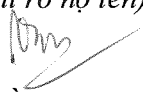
✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PT. BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
PGS.TS Trần Thị Thu Vân

### GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN  
CHÂM CỨU**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Nội trú YHCT

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: Châm cứu

\* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 3 Tín chỉ (LT 2; TH 1)

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ Nội trú YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn CHÂM CỨU

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	
3	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	PGS.TS Phạm Hồng Vân	0904306556	Châm cứu	

6	TS.Trần Phương Đông	0904292273	Châm cứu	
---	---------------------	------------	----------	--

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí</li> <li>- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi</li> <li>- Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp</li> <li>- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện</li> <li>- Trình bày được kỹ thuật măng châm, điện măng châm</li> </ul>	CDR 5	
	<p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu</li> <li>- Ứng dụng được kỹ thuật măng châm trong điều trị</li> </ul>	CDR9, CDR10, CDR11	

<p>2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p><b>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</b> Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	<p>CDR 15, CDR 16, CDR 17</p>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
<p>MT1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí</li> <li>- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi</li> <li>- Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp</li> <li>- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện.</li> <li>- Trình bày được kỹ thuật măng châm, điện măng châm</li> </ul>	CDR5
<b>Kỹ năng</b>	
<p>MT3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh</li> </ul>	CDR9, CDR10, CDR11

bằng Châm cứu - Ứng dụng được kỹ thuật mẫn châm trong điều trị	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT3 Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR 15, CĐR 16, CĐR 17

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR5	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR15	CĐR16	CĐR17
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Tỷ lệ lưu trú	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp ắt kinh							
Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành							
Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy							
Chuyên đề 8: Mẫn châm và điện mẫn châm							

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

### 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	4						
Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	4						
Chuyên đề 3: Tý ngọ lưu trú	4						
Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	4						
Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp át kinh	4						
Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	4						
Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3						
Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mãng châm	3						

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

### 8. Tài liệu học tập

#### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy CHÂM CỨU, dành cho đối tượng Sau Đại học.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

Bjordal JM, Klovning A, Lopes-Martins RA, Roland PD, Joensen J, Slordal L. *Overviews and systematic reviews on low back pain.* Ann Intern Med, 2008;148(10):789-90.

**Bringmann W.** *Laser therapy. Light can heal.* Own publisher; 1. Edition 2000.

**Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan** (1994), *Nghiên cứu thiết kế, thử nghiệm và đánh giá tác dụng của các thiết bị laser châm.* Thông tin trang thiết bị y tế, No21, tr 31 – 34.

**Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan** (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng,* WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

**Huỳnh Minh Đức** (dịch), Linh – Khu, Nhà xuất bản Đồng nai 1990.

**Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Nguru và Lương Tú Vân** dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh,* Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

**Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Nguru và Lương Tú Vân** dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh,* Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

**Jacques Elias** (1996), *Laser, châm cứu laser, liệu pháp kết hợp,* Cẩm nang châm cứu và liệu pháp laser thực hành, Nhà xuất bản y học, tr 38 – 52.

**King CE et al** (1990), *Effect of helium-neon auriculotherapy on experimental pain threshold,* Physical Therapy, vol 37, No1, pp 24 – 30.

**Lê Huy Tuấn** (2011), *Công nghệ và thiết bị laser - điện từ trường ứng dụng trong y học,* Hội thảo khoa học công nghệ - Bệnh viện Châm cứu trung ương, tháng 4/2011, tr 2 – 10.

**Lê Nhân Sỹ, Nguyễn Thành Phước** (1994), *Kết quả điều trị liệt thần kinh 7 ngoại biên bằng laser bán dẫn hồng ngoại tại bệnh viện YHCT Đồng Tháp,* Báo cáo sơ kết đề tài nghiên cứu 1993 – 1994, Sở Y tế Đồng Tháp 12/1994.

**Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang** , *Châm cứu học sau đại học,* Nhà xuất bản Y học 1997.

**Nguyễn Tài Thu,** *Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy,* Bộ y tế, Bệnh viện châm cứu trung ương 2005

**Nguyễn Tài Thu,** *Nghiên cứu châm tê trong phẫu thuật,* Hội Đông Y Việt Nam 1975.

**Nguyễn Tài Thu,** *Sémiologie – Thérapeutique – Analgésie en acupuncture,* Viện châm cứu Việt nam 1984.

**Nguyễn Bá Quang,** *Influence de l'etro - Acupuncture des point 4GI, 6MC, 17TK, 12E surl'activite' e'le' tro - encephalographique et le taux se'rique de catecholamines et d'acetylcholine chez le lapain,* Revue Français de Medecine Traditional Chinoise (1999), tr 172-175

**Nguyễn Bá Quang,** *Điều trị di chứng Viêm não Nhật Bản sau giai đoạn Cấp bằng Điện châm,* Tạp chí Y Dược học Quân sự - HVQY (2004), tr 113-119

**Nguyễn Bá Quang,** *Nghiên cứu hàm lượng Beta-Endorphin trong máu và điện não đồ ở bệnh nhân nghiện ma túy được điều trị bằng phương pháp Điện châm,* Tạp chí Sinh lý học (2004), tr 48-53

**Nguyễn Bá Quang,** *Nghiên cứu tác dụng của Điện mẫn châm phục hồi chức năng vận động của ngón tay cái trên bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não,* Tạp chí Châm cứu Việt Nam (2004), tr 39-45



**Nguyễn Bá Quang**, Điều trị cao Huyết áp thể Can hòa vượng bằng điện châm, Tạp chí Y học thực hành (2004), tr 2-5

**Nguyễn Tử Siêu**, Hoàng đế nội kinh tố vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

**Nghiêm Hữu Thành**, Nghiên cứu điện châm điều trị di chứng liệt, cai nghiện ma túy và châm tê phẫu thuật, đề tài KHCN 11-06B cấp nhà nước (2001)

**Nghiêm Hữu Thành**, Nghiên cứu sự thay đổi trên điện cơ đồ, phản xạ Blink – lâm sàng ở bệnh nhân liệt thân kinh VII ngoại biên do lạnh được điều trị bằng điện châm, đề tài cấp Bộ (2004)

**Nghiêm Hữu Thành**, Nghiên cứu thực trạng dùng thuốc và các biện pháp không dùng thuốc y học cổ truyền ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đề tài 64-228 KQNC cấp bộ (2008)

**Nghiêm Hữu Thành**, Nghiên cứu cơ sở khoa học của điện châm trong điều trị một số chứng đau, đề tài KC10/30-06-10 cấp nhà nước (2012)

**Nghiêm Hữu Thành**, Kỹ thuật châm và sử dụng máy điện châm trong châm tê mổ mắt và xoang, Tạp chí châm cứu Việt Nam (1994), tr 31-33

**Nghiêm Hữu Thành**, so sánh kết quả của lô châm tê và lô đối chứng trong châm tê mổ mắt và xoang, Tạp chí châm cứu Việt Nam (1994), tr 21-26

**Nghiêm Hữu Thành**, Nghiên cứu ảnh hưởng điện châm của các huyết Hợp cốc và Nội quan kết hợp với thuốc hỗ trợ lên điện não thỏ, Tạp chí châm cứu Việt Nam (1995), tr 11-15

**Nguyễn Thị Tú Lan, Phan Ngọc Tiến** (1993), *Đánh giá hiệu quả bước đầu điều trị hen phế quản bằng laser và điện từ trường*, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia lần 2 về ứng dụng laser và điện từ trường trong y học, Tp Hồ Chí Minh, 20 – 21/12/1993. tr 65 – 69.

**Nguyễn Trọng Lưu** (2006), *Điều trị bằng bức xạ laser*, Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng - Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, tr 73 – 81.

**Pelts et al** (1991), *Từ trường xuất hiện khi cho dòng điện chạy qua tay người*, Biophysika, vol 35, No1, pp 137 – 140 (tiếng Nga).

**Phan Quan Chí Hiếu**, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

**Romberg H.** *What are the effects of laser light?* CO MED. 11/2001: 27–33

**Trần Thuý , Nguyễn Tài Thu ; cộng sự Nguyễn Bá Quang, Nghiêm Hữu Thành** Châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, Nhà xuất bản Y học – Bộ Y tế 1996.

**Trần Thuý và cộng sự** (1993), *Phân tích ứng dụng laser trên huyết để điều trị giảm đau do ung thư*, tạp chí Y học Việt Nam, tập 39, No 7, tr132 – 137.

**Tuner J, Hode L.** *Laser Therapy: Clinical Practice and Scientific Background.* Gransgesberg, Sweden: Prima Books; 2002.

**Viện đông y, Châm cứu học**, Nhà xuất bản Y học 1984.

**Weber M, Ruth M, Zenz M.** *Examination of the efficiency of laser acupuncture for chronic lumbar spine disorders.*

Weber M. *Device for acupuncture by laser irradiation*. German utility patent 20309976.1, International PCT /DE 2004/000960

Weber M. *The new laserneedle acupuncture in clinical application*. World Journal of Traditional Chinese Orthopedics. 2004; No.1 Vol.6: 22

Zatsepina et al (1990), *Tác dụng của laser trên da, sự lan truyền điện thế dao động theo lớp tế bào đáy ở người và sự thay đổi điện trường của nó*, Biophysika, vol 35, No1, pp 115 – 116 (tiếng Nga)

### 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	4					
Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	4					
Chuyên đề 3: Tỷ ngộ lưu trú	4					
Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	4					
Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp át kinh	4					
Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	4					
Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3					
Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mẫn châm	3					

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR ....

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ....

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần		Tham gia tối thiểu 80% số tiết buổi giảng lý thuyết trên	CDR ...

			lớp	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn			
	Thực hành			
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Tiểu luận	100%		CĐR .. đến CĐR ....

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm*

20....

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)  
CHÂM CỨU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 11 tháng 10 năm 2021

của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Nội trú YHCT, Mã số đào tạo:

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: Châm cứu

\* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ Nội trú YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	
3	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com

5	PGS.TS Phạm Hồng Vân	0904306556	Châm cứu	
6	TS.Trần Phương Đông	0904292273	Châm cứu	

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí</li> <li>- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi</li> <li>- Trình bày được định nghĩa tý ngộ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngộ lưu trú pháp</li> <li>- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện</li> <li>- Trình bày được kỹ thuật măng châm, điện măng châm</li> </ul>	CDR 5	
	<b>Kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> </ul>	CDR9, CDR10, CDR11	

<p>2</p> <p><b>Mục tiêu (Gx) [1]</b></p>	<p><b>Mô tả mục tiêu [2]</b></p> <p>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p><b>CDR của CTĐT (X.x.x) [3]</b></p> <p>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p><b>Mức độ [4]</b></p> <p>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu</li> <li>- Ứng dụng được kỹ thuật mẫn châm trong điều trị</li> </ul>		
	<p><b>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</b></p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	<p>CDR 15, CDR 16, CDR 17</p>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
<p>MT1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí</li> <li>- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi</li> <li>- Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của</li> </ul>	CDR5

<p>Tý ngọ lưu trú pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện.</li> <li>- Trình bày được kỹ thuật mẫn châm, điện mẫn châm</li> </ul>	
<b>Kỹ năng</b>	
<p>MT3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu</li> <li>- Ứng dụng được kỹ thuật mẫn châm trong điều trị</li> </ul>	<p>CDR9, CDR10, CDR11</p>
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<p>MT3</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	<p>CDR 15, CDR 16, CDR 17</p>

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR5	CDR9	CDR10	CDR11	CDR15	CDR16	CDR17
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Tý ngọ lưu trú	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4:	3	3	3	3	3	3	3



Phương pháp bổ tả							
Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp ắt kinh	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mãng châm	3	3	3	3	3	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun** – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

### 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04		

Hướng dẫn thực hành phương pháp bỏ tá phối hợp trong CHÂM CỨU	04		
Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04		
Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04		
Ứng dụng mẫn châm, điện mẫn châm trong điều trị bệnh			
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh toạ	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. Hoàng Phú Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang , *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. Nguyễn Tử Siêu, Hoàng đế nội kinh tô vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. Phan Quan Chí Hiếu, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

### 9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04				
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong CHÂM CỨU	04				
Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04				
Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04				
Ứng dụng mẫn châm, điện mẫn châm trong điều trị bệnh	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh tọa	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng Tiễn lâm sàng chuẩn bị đầy đủ dụng cụ: giường XBBH, thảm tập dưỡng sinh, máy tính, máy chiếu, bảng, phấn...

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Thực hành/Lâm sàng 100% số buổi . Mỗi tuần nộp 2 bệnh án

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần	30%		CĐR ...
2	<b>Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng</b>			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp) .....	70%		CĐR .. đến CĐR ....

Hà Nội, ngày tháng năm 20....


**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Trần Đức Hải

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**LÝ THUYẾT KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền  
Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- \* Tiếng Anh: Department of payhophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ ( 30 tiết)
- Đối tượng học: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: .....
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 16 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành: .....tiết
  - + Bài tập: .... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: .... tiết
  - + Kiểm tra: ... tiết
  - + Thời gian tự học: .... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	<a href="mailto:phdtranthaiha@gmail.com">phdtranthaiha@gmail.com</a>
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	<a href="mailto:xuancanhvh@gmail.com">xuancanhvh@gmail.com</a>
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	<a href="mailto:tunghuongvung@gmail.com">tunghuongvung@gmail.com</a>
4	TS Lê Thị Kim Dung	0979818222	<a href="mailto:quangtuyen@gmail.com">quangtuyen@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.	CDR...	
2	<b>Kỹ năng :</b> <b>Kỹ năng:</b> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.	CDR....	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Luyện động tác chống xơ cứng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh.		
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện	CĐR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	CĐR1: Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
MT2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
MT3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.
MT4: Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	3	3	3	3	3
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
4. vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	3	3	3	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun**

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh



và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
4. Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

<b>Tổng</b>							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

8.1 Tài liệu giảng dạy DUỖNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hường (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiệp (1977), *Thẻ dực phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thẻ dực thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4					
Buổi 2	2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4					
Buổi 3	3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	4					
Buổi 4	4. Vận dụng Khí	4					

<p>công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga</p>						
<b>TỔNG</b>						

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não       Từng cặp /Chia sẻ       Học dựa trên vấn đề       Hoạt động nhóm

     Đóng vai       Học dựa vào dự án       Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống       Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR... đến CDR...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR... đến CDR..

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

### 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

#### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

#### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

##### Ví dụ

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận	100%		CDR1 đến 15

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PT. BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phạm Hải Đăng*

### GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA  
(PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Nội trú., Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành YHCT

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Nội Khoa
- \* Tiếng Việt: Nội Khoa
- \* Tiếng Anh: Medical
- Mã Học phần/ Môn học: HVNK
- Số tín chỉ: 05 (5.0 LT, 7.0 TH)
- Đối tượng học: Bác sĩ Nội trú
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 76 tiết
- \* Lý thuyết: 76 tiết
- \* Bài tập: tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHD

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths. Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths. BSCKII. Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com

5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	PGS. Hoàng Thanh Tuyền	0903211254	twyenht@gmail.com
8.	TS.Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
9.	TS.Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
10.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<b>2</b> <b>Mục tiêu</b> <b>(Gx) [1]</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b> (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	<b>CDR của CTĐT</b> <b>(X.x.x) [3]</b> (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	<b>Mức độ [4]</b> (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội khoa thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 8], [CDR 9]	3
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 8], [CDR 9]	5
	<b>Kỹ năng</b>		
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội khoa thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 8], [CDR 9]	5
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CDR18], [CDR19]	3

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
	Kiến thức

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội khoa thường gặp. MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội khoa thường gặp. CLO 2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
<b>Kỹ năng</b>	
MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội khoa thường gặp.	CLO 3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội khoa thường gặp.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	3	3	3	1
Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	3	3	3	1
Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	3	3	3	1
Viêm màng ngoài tim	3	3	3	1
Suy tim cấp, mạn	3	3	3	1
Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	3	3	3	1
Xơ vữa động mạch	3	3	3	1
Bệnh động mạch ngoại vi	3	3	3	1
Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	3	3	3	1
Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	3	3	3	1
Áp xe phổi	3	3	3	1



Tràn dịch Màng phổi	3	3	3	1
Tràn khí màng phổi	3	3	3	1
Giãn phế quản	3	3	3	1
Tâm phế mạn	3	3	3	1
Ung thư phế quản	3	3	3	1
Viêm phổi	3	3	3	1
Điều trị viêm gan virus B,C	3	3	3	1
Điều trị xuất huyết tiêu hóa	3	3	3	1
Ung thư gan nguyên phát	3	3	3	1
Áp xe gan	3	3	3	1
Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	3	3	3	1
Điều trị loét dạ dày, tá tràng	3	3	3	1
Viêm tụy cấp	3	3	3	1
Hội chứng ruột kích thích	3	3	3	1
Suy thận cấp	3	3	3	1
Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	3	3	3	1
Viêm bàng quang	3	3	3	1
Hội chứng thận hư	3	3	3	1
Sỏi thận, tiết niệu	3	3	3	1
Bệnh lý cầu thận	3	3	3	1
Viêm thận, bể thận cấp, mạn	3	3	3	1
Các thuốc chống viêm NSAID và steroid sử dụng trong điều trị bệnh khớp	3	3	3	1
Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	3	3	3	1
Viêm khớp dạng thấp	3	3	3	1
Gút cấp, mạn	3	3	3	1
Loãng xương	3	3	3	1
Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa	3	3	3	1
Basedow	3	3	3	1
Viêm tuyến giáp	3	3	3	1
Suy thượng thận cấp - mạn	3	3	3	1
U tủy thượng thận	3	3	3	1
Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	3	3	3	1
Đái tháo đường thai kỳ	3	3	3	1
Đái tháo nhạt	3	3	3	1
Leucemie cấp, mạn	3	3	3	1
Đa u tủy xương	3	3	3	1

Thiếu máu tan máu	3	3	3	1
An toàn truyền máu	3	3	3	1
Xuất huyết giảm tiểu cầu	3	3	3	1
U lympho Hodgkin	3	3	3	1
Suy tủy xương	3	3	3	1

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần Nội khoa phần lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

**7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun**

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
Chương	Bài giảng	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Tim mạch	Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	1			1	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
	Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	2			2		
	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2			2		
	Viêm màng ngoài tim	1			1		
	Suy tim cấp, mạn	2			2		
	Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	1			1		
	Xơ vữa động mạch	2			2		
	Bệnh động mạch ngoại vi	1			1		
Hô hấp	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	1			1	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý	
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	1			1		
	Áp xe phổi	2			2		
	Tràn dịch Màng phổi	1			1		
	Tràn khí màng phổi	1			1		

	Giãn phế quản	1			1		tường sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Tâm phế mạn	2			2		
	Ung thư phế quản	2			2		
	Viêm phổi	1			1		
Tiêu hóa	Điều trị viêm gan virus B,C	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Điều trị xuất huyết tiêu hóa	2			2		
	Ung thư gan nguyên phát	2			2		
	Áp xe gan	2			2		
	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	2			2		
	Điều trị loét dạ dày, tá tràng	1			1		
	Viêm tụy cấp	1			1		
	Hội chứng ruột kích thích	1			1		
	Suy thận cấp	2			2		
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	1			1		
Thận tiết niệu	Viêm bàng quang	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Hội chứng thận hư	1			1		
	Sỏi thận, tiết niệu	1			1		
	Bệnh lý cầu thận	2			2		
	Viêm thận, bể thận cấp, mạn	2			2		
Cơ xương khớp	Các thuốc chống viêm NSAID và steroid sử dụng trong điều trị bệnh khớp	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành
	Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	2			2		
	Viêm khớp dạng thấp	1			1		
	Gút cấp, mạn	1			1		
	Loãng xương	2			2		

	Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa	2		2	nội quy học tập của lớp
Nội tiết CH	Basedow	1		1	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Viêm tuyến giáp	2		2	
	Suy thượng thận cấp - mạn	2		2	
	U tủy thượng thận	1		1	
	Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	2		2	
	Đái tháo đường thai kỳ	1		1	
	Đái tháo nhạt	1		1	
Huyết học	Leucemie cấp, mạn	2		2	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Đa u tủy xương	2		2	
	Thiếu máu tan máu	1		1	
	An toàn truyền máu	2		2	
	Xuất huyết giảm tiểu cầu	1		1	
	U lympho Hodgkin	1		1	
	Suy tủy xương	1		1	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung giảng		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác
1.	Chương Tim mạch	Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	1				2
2.		Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	2				4
3.		Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2				4
4.		Viêm màng ngoài tim	1				2
5.		Suy tim cấp, mạn	2				4
6.		Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	1				2
7.		Xơ vữa động mạch	2				4
8.		Bệnh động mạch ngoại vi	1				2
9.	Chương Hô hấp	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	1				2
10.		Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	1				2
11.		Áp xe phổi	2				4
12.		Tràn dịch Màng phổi	1				2
13.		Tràn khí màng phổi	1				2

14.		Giãn phế quản	1				2
15.		Tâm phế mạn	2				4
16.		Ung thư phế quản	2				4
17.		Viêm phổi	1				2
18.	Chương Tiêu hóa	Điều trị viêm gan virus B,C	1				2
19.		Điều trị xuất huyết tiêu hóa	2				4
20.		Ung thư gan nguyên phát	2				4
21.		Áp xe gan	2				4
22.		Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	2				4
23.		Điều trị loét dạ dày, tá tràng	1				2
24.		Viêm tụy cấp	1				2
25.		Hội chứng ruột kích thích	1				2
26.		Suy thận cấp	2				4
27.		Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	1				2
28.	Chương Thận tiết niệu	Viêm bàng quang	1				2
29.		Hội chứng thận hư	1				2
30.		Sỏi thận, tiết niệu	1				2
31.		Bệnh lý cầu thận	2				4
32.		Viêm thận, bể thận cấp, mạn	2				4
33.	Chương Cơ xương khớp	Các thuốc chống viêm NSAID và steroid sử dụng trong điều trị bệnh khớp	2				4

34.		Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	2				4
35.		Viêm khớp dạng thấp	1				2
36.		Gút cấp, mạn	1				2
37.		Loãng xương	2				4
38.		Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa	2				4
39.	Chương	Basedow	1				2
40.	Nội tiết	Viêm tuyến giáp	2				4
41.	CH	Suy thượng thận cấp - mạn	2				4
42.		U tủy thượng thận	1				2
43.		Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	2				4
44.		Đái tháo đường thai kỳ	1				2
45.		Đái tháo nhạt	1				2
46.	Chương	Leucemie cấp, mạn	2				4
47.	Huyết học	Đa u tủy xương	2				4
48.		Thiếu máu tan máu	1				2
49.		An toàn truyền máu	2				4
50.		Xuất huyết giảm tiểu cầu	1				2
51.		U lympho Hodgkin	1				2
52.		Suy tủy xương	1				2

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề  
 Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng   
Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 8, CDR 9

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

*11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

*11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm  
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## **12. Phương pháp đánh giá học phần**

### **12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**



Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 8, CĐR 9

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = ( điểm lý thuyết x5 + điểm lâm sàng x7)/12

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thu

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHUYÊN NHÀNH NỘI KHOA  
(PHẦN LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Nội trú., Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành YHCT

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa
- \* Tiếng Việt: Nội khoa
- \* Tiếng Anh: Medical
- Mã Học phần/ Môn học: HVNK
- Số tín chỉ: 07 (5.0 LT, 7.0 TH)
- Đối tượng học: Bác sĩ Nội trú
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/> X	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- \* Thực hành: 315 tiết
- \* Bài tập: tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ YHHĐ

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths. Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths. BSCKII. Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com

5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Các giảng viên thỉnh giảng bệnh viện Bạch Mai		

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội khoa thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội khoa thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
MT4	Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội khoa thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
MT5	Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8], [CĐR 9]	5
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR18], [CĐR19]	3

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội khoa thường gặp.	<b>CLO1:</b> Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	<b>CLO 2:</b> Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
<b>Kỹ năng</b>	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội khoa thường gặp	<b>CLO 3:</b> Phân tích, xử lý được một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội khoa thường gặp	<b>CLO4:</b> Thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội khoa thường gặp
MT5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp	<b>CLO5:</b> Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	<b>CLO 6:</b> Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Các bệnh van hai lá	3	3	3	3	3	1
Bệnh van động mạch chủ	3	3	3	3	3	1
Các bệnh màng ngoài tim	3	3	3	3	3	1

Thiếu máu cơ tim	3	3	3	3	3	1
Rối loạn chuyển hóa lipid và xơ vữa động mạch	3	3	3	3	3	1
Những rối loạn nhịp tim và rối loạn dẫn truyền	3	3	3	3	3	1
Tăng huyết áp	3	3	3	3	3	1
Suy tim	3	3	3	3	3	1
Thuốc sử dụng điều trị bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	1
Điện tâm đồ trong hội chứng tăng gánh trong bệnh mạch vành và nhồi máu cơ tim	3	3	3	3	3	1
Đo CVP	3	3	3	3	3	1
Đọc Xquang tim	3	3	3	3	3	1
Truyền dịch	3	3	3	3	3	1
Kiến tập: Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm, siêu âm tim, Doppler, Đặt nội khí quản, Chọc dò màng ngoài tim.	3	3	3	3	3	1
Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng và viêm phổi mắc phải ở bệnh viện	3	3	3	3	3	1
Áp xe phổi	3	3	3	3	3	1
Ung thư phổi	3	3	3	3	3	1
Hen phế quản	3	3	3	3	3	1
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	3	3	1
Bệnh bụi phổi	3	3	3	3	3	1
Cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán lao phổi	3	3	3	3	3	1
Điều trị lao – Mycobacteriae không lao	3	3	3	3	3	1
Nội soi và sinh thiết chẩn đoán bệnh hô hấp	3	3	3	3	3	1
Các phương pháp thăm dò chẩn đoán bệnh lý hô hấp	3	3	3	3	3	1
Những biến đổi CNHH trong một số bệnh lý hô hấp	3	3	3	3	3	1
Thăm dò chẩn đoán bệnh màng phổi: sinh thiết màng phổi,	3	3	3	3	3	1
nội soi lồng ngực	3	3	3	3	3	1
Nội soi phế quản	3	3	3	3	3	1
Dưỡng chấp lồng ngực	3	3	3	3	3	1
Viêm mũ màng phổi	3	3	3	3	3	1
Tràn khí màng phổi	3	3	3	3	3	1
Di chứng dày dính và vôi hoá màng phổi	3	3	3	3	3	1
- Đọc phim Xquang quy ước, CT Scanner, MRI	3	3	3	3	3	1

- Kiến tập Soi phế quản, Nhuộm soi đờm tìm BK; Chọc dò dịch màng phổi; Chọc hút bơm rửa áp xe phổi	3	3	3	3	3	1
- Võ rung lồng ngực.	3	3	3	3	3	1
- Khí dung	3	3	3	3	3	1
Bệnh thực quản	3	3	3	3	3	1
Viêm dạ dày cấp và mạn tính	3	3	3	3	3	1
Bệnh thực quản	3	3	3	3	3	1
Viêm dạ dày cấp và mạn tính	3	3	3	3	3	1
Loét dạ dày - hành tá tràng	3	3	3	3	3	1
Ung thư dạ dày	3	3	3	3	3	1
Chảy máu tiêu hóa cao	3	3	3	3	3	1
Hội chứng ruột kích thích	3	3	3	3	3	1
Viêm gan mạn	3	3	3	3	3	1
Xơ gan	3	3	3	3	3	1
Ung thư gan	3	3	3	3	3	1
Hôn mê gan	3	3	3	3	3	1
Bệnh đường mật	3	3	3	3	3	1
Bệnh tuyến tụy	3	3	3	3	3	1
Lao màng bụng	3	3	3	3	3	1
Ký sinh trùng đường ruột	3	3	3	3	3	1
Viêm đại tràng	3	3	3	3	3	1
Nội soi tiêu hóa	3	3	3	3	3	1
Chọc dò màng bụng	3	3	3	3	3	1
Soi trực tràng	3	3	3	3	3	1
Hút dịch vị	3	3	3	3	3	1
Hút dịch tá tràng	3	3	3	3	3	1
Rửa dạ dày	3	3	3	3	3	1
Chọc hút ổ áp xe gan	3	3	3	3	3	1
Nội soi dạ dày, tiêm xơ cầm máu, thắt TMTQ	3	3	3	3	3	1
Những vấn đề về giải phẫu sinh lý thận	3	3	3	3	3	1
Các phương pháp thăm dò chức năng thận	3	3	3	3	3	1
Các bệnh cầu thận	3	3	3	3	3	1
Hội chứng thận hư	3	3	3	3	3	1
Viêm khe thận mạn	3	3	3	3	3	1
Các bệnh thận bẩm sinh	3	3	3	3	3	1
Những vấn đề về hội chứng suy thận mạn	3	3	3	3	3	1
Hội chứng suy thận cấp tính	3	3	3	3	3	1
Những quan điểm mới trong điều trị hội chứng	3	3	3	3	3	1

suy thận						
Thận nhân tạo	3	3	3	3	3	1
Kiến tập: Soi bàng quang	3	3	3	3	3	1
Đọc phim thận, bàng quang có chuẩn bị và không chuẩn bị, phim CT, MRI.	3	3	3	3	3	1
Làm UIV	3	3	3	3	3	1
Kiến tập siêu âm thận	3	3	3	3	3	1
Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh các bệnh khớp	3	3	3	3	3	1
Tên gọi và phân loại các bệnh khớp	3	3	3	3	3	1
Nguyên tắc điều trị bệnh khớp	3	3	3	3	3	1
Viêm khớp dạng thấp	3	3	3	3	3	1
Bệnh viêm cột sống dính khớp	3	3	3	3	3	1
Bệnh Goute	3	3	3	3	3	1
Thoái hóa khớp	3	3	3	3	3	1
Sử dụng chống viêm không steroid trong lâm sàng	3	3	3	3	3	1
Các bệnh tạo keo hay hệ thống	3	3	3	3	3	1
Bệnh loãng xương	3	3	3	3	3	1
Các thăm dò hình thái trong chẩn đoán bệnh khớp	3	3	3	3	3	1
Chọc dò khớp gối	3	3	3	3	3	1
Tiêm thuốc khớp gối, khớp ngón tay	3	3	3	3	3	1
Gây tê ngoài màng cứng	3	3	3	3	3	1
Tiêm thuốc ngoài màng cứng	3	3	3	3	3	1
Đọc Xquang xương khớp	3	3	3	3	3	1
Siêu âm khớp	3	3	3	3	3	1
Đo mật độ xương	3	3	3	3	3	1
Các bệnh tuyến yên và vùng Hypothalamus	3	3	3	3	3	1
Các bệnh tuyến thượng thận	3	3	3	3	3	1
Các bệnh tuyến tụy nội tiết và bệnh đái tháo đường	3	3	3	3	3	1
Các biến chứng của đái tháo đường	3	3	3	3	3	1
Điều trị bệnh đái tháo đường	3	3	3	3	3	1
Các bệnh tuyến giáp:	3	3	3	3	3	1
Bệnh Basedow	3	3	3	3	3	1
Suy chức năng tuyến giáp	3	3	3	3	3	1
Các bệnh tuyến cận giáp	3	3	3	3	3	1
Bệnh đái tháo nhạt	3	3	3	3	3	1

Sử dụng corticoid trong lâm sàng	3	3	3	3	3	1
Hội chứng Sheehan	3	3	3	3	3	1
Chọc dò nang tuyến giáp	3	3	3	3	3	1
Đo đường huyết mao mạch bằng que thử	3	3	3	3	3	1
Siêu âm tuyến giáp	3	3	3	3	3	1
Phân loại thiếu máu	3	3	3	3	3	1
U lympho không Hodgkin	3	3	3	3	3	1
Bệnh bạch cầu cấp và kinh	3	3	3	3	3	1
Xuất huyết giảm tiểu cầu chưa rõ nguyên nhân	3	3	3	3	3	1
Thiếu máu huyết tán	3	3	3	3	3	1
U lympho Hodgkin	3	3	3	3	3	1
Suy tuỷ xương	3	3	3	3	3	1
Bệnh Hemophilie	3	3	3	3	3	1
Bệnh Kahler	3	3	3	3	3	1
Tai biến truyền máu và cách xử trí	3	3	3	3	3	1
Làm XN nhóm máu	3	3	3	3	3	1
Làm tủy đồ	3	3	3	3	3	1
Làm huyết đồ	3	3	3	3	3	1
Truyền máu	3	3	3	3	3	1

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện được một số kỹ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với học viên	
Chương	Bài giảng	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Tim mạch	Các bệnh van hai lá		2		2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật,
	Bệnh van động mạch chủ		2		2	2	
	Các bệnh màng ngoài tim		2		2	2	
	Thiếu máu cơ tim		2		2	2	
	Rối loạn chuyển hóa lipid và xơ vữa động mạch		2		2	2	



	Những rối loạn nhịp tim và rối loạn dẫn truyền	2	2	2	kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Tăng huyết áp	2	2	2	
	Suy tim	2	2	2	
	Thuốc sử dụng điều trị bệnh lý tim mạch	2	2	2	
	Điện tâm đồ trong hội chứng tăng gánh trong bệnh mạch vành và nhồi máu cơ tim	2	2	2	
	<b>Thực hành các thủ thuật:</b>				
	Đo CVP	2	2	2	
	Đọc Xquang tim	2	2	2	
	Truyền dịch	1	1	1	
	Kiến tập: Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm,	4	4	4	
	Kiến tập siêu âm tim, Doppler	4	4	4	
	Kiến tập đặt nội khí quản,	3	3	3	
	Kiến tập chọc dò màng ngoài tim	4	4	4	
Hô hấp	Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng và viêm phổi mắc phải ở bệnh viện	2	2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Áp xe phổi	2	2	2	
	Ung thư phổi	2	2	2	
	Hen phế quản	2	2	2	
	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	2	2	2	
	Bệnh bụi phổi	2	2	2	
	Cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán lao phổi	2	2	2	
	Điều trị lao – Mycobacteriae không lao	2	2	2	
	Nội soi và sinh thiết chẩn đoán bệnh hô hấp	2	2	2	
	Các phương pháp thăm dò chẩn đoán bệnh lý hô hấp	2	2	2	

	Những biến đổi CNHH trong một số bệnh lý hô hấp		2		2	2	
	Thăm dò chẩn đoán bệnh màng phổi: sinh thiết màng phổi,		2		2	2	
	nội soi lồng ngực		2		2	2	
	Nội soi phế quản		2		2	2	
	Dưỡng chấp lồng ngực		2		2	2	
	Viêm mũ màng phổi		2		2	2	
	Tràn khí màng phổi		2		2	2	
	Di chứng dày dính và vôi hoá màng phổi		2		2	2	
	<b>Thực hành các thủ thuật:</b>						
	- Đọc phim Xquang quy ước, CT Scanner, MRI		2		2	2	
	- Kiến tập Soi phế quản, Nhuộm soi đờm tìm BK		4		4	4	
	Chọc dò dịch màng phổi;		3		3	3	
	Chọc hút bơm rửa áp xe phổi		4		4	4	
	- Võ rung lồng ngực.		1		1	1	
	- Khí dung		1		1	1	
Tiêu hóa	Bệnh thực quản		2		2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Viêm dạ dày cấp và mạn tính		2		2	2	
	Bệnh thực quản		2		2	2	
	Viêm dạ dày cấp và mạn tính		2		2	2	
	Loét dạ dày - hành tá tràng		2		2	2	
	Ung thư dạ dày		2		2	2	
	Chảy máu tiêu hóa cao		2		2	2	
	Hội chứng ruột kích thích		2		2	2	
	Viêm gan mạn		2		2	2	
	Xơ gan		2		2	2	
	Ung thư gan		2		2	2	
	Hôn mê gan		2		2	2	

	Bệnh đường mật		2		2	2	
	Bệnh tuyến tụy		2		2	2	
	Lao màng bụng		2		2	2	
	Ký sinh trùng đường ruột		2		2	2	
	Viêm đại tràng		2		2	2	
	Nội soi tiêu hóa		2		2	2	
	<b>Thực hành: kiến tập các thủ thuật</b>						
	Chọc dò màng bụng		4		4	4	
	Soi trực tràng		4		4	4	
	Hút dịch vị		2		2	2	
	Hút dịch tá tràng		2		2	2	
	Rửa dạ dày		2		2	2	
	Chọc hút ổ áp xe gan		4		4	4	
	Nội soi dạ dày, tiêm xơ cầm máu, thắt TMTQ		4		4	4	
Thận tiết niệu	Những vấn đề về giải phẫu sinh lý thận		2		2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Các phương pháp thăm dò chức năng thận		2		2	2	
	Các bệnh cầu thận		2		2	2	
	Hội chứng thận hư		2		2	2	
	Viêm khe thận mạn		2		2	2	
	Các bệnh thận bẩm sinh		2		2	2	
	Những vấn đề về hội chứng suy thận mạn		2		2	2	
	Hội chứng suy thận cấp tính		2		2	2	
	Những quan điểm mới trong điều trị hội chứng suy thận		2		2	2	
	Thận nhân tạo		2		2	2	
	<b>Thực hành các thủ thuật:</b>						
	Kiên tập: Soi bàng quang		4		4	4	
	Đọc phim thận, bàng quang có chuẩn bị và không chuẩn bị, phim CT, MRI.		2		2	2	

	Làm UIV		4		4	4	
	Kiên tập siêu âm thận		4		4	4	
Cơ xương khớp	Viêm khớp dạng thấp		2		2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Bệnh viêm cột sống dính khớp		2		2	2	
	Bệnh Goute		2		2	2	
	Thoái hóa khớp		2		2	2	
	Sử dụng chống viêm không steroid trong lâm sàng		2		2	2	
	Các bệnh tạo keo hay hệ thống		2		2	2	
	Bệnh loãng xương		2		2	2	
	Các thăm dò hình thái trong chẩn đoán bệnh khớp		2		2	2	
	<b>Thực hành: kiên tập các thủ thuật:</b>						
	Chọc dò khớp gối		2		2	2	
	Tiêm thuốc khớp gối, khớp ngón tay		4		4	4	
	Gây tê ngoài màng cứng		4		4	4	
	Tiêm thuốc ngoài màng cứng		4		4	4	
	Đọc Xquang xương khớp		2		2	2	
	Siêu âm khớp		4		4	4	
Đo mật độ xương		2		2	2		
Nội tiết CH	Các bệnh tuyến yên và vùng Hypothalamus		2		2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Các bệnh tuyến thượng thận		2		2	2	
	Các bệnh tuyến tụy nội tiết và bệnh đái tháo đường		2		2	2	
	Các biến chứng của đái tháo đường		2		2	2	
	Điều trị bệnh đái tháo đường		2		2	2	
	Các bệnh tuyến giáp		2		2	2	

	Bệnh Basedow		2		2	2	
	Suy chức năng tuyến giáp		2		2	2	
	Các bệnh tuyến cận giáp		2		2	2	
	Bệnh đái tháo nhạt		2		2	2	
	Sử dụng corticoid trong lâm sàng		2		2	2	
	Hội chứng Sheehan		2		2	2	
	<b>Thực hành: Kiến tập các thủ thuật:</b>						
	Chọc dò nang tuyến giáp		4		4	4	
	Đo đường huyết mao mạch bằng que thử		2		2	2	
	Siêu âm tuyến giáp		4		4	4	
Huyết học	U lympho không Hodgkin		2		2	2	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
	Bệnh bạch cầu cấp và kinh		2		2	2	
	Xuất huyết giảm tiểu cầu chưa rõ nguyên nhân		2		2	2	
	Thiếu máu huyết tán		2		2	2	
	U lympho Hodgkin		2		2	2	
	Suy tủy xương		2		2	2	
	Bệnh Hemophilie		2		2	2	
	Bệnh Kahler		2		2	2	
	Tai biến truyền máu và cách xử trí		2		2	2	
	<b>Thực hành: kiến tập các thủ thuật:</b>						
	Làm XN nhóm máu		2		2	2	
	Làm tủy đồ		4		4	4	
	Làm huyết đồ		2		2	2	
	Truyền máu		2		2	2	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

### 9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần / buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung giảng	Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Tim mạch	Các bệnh van hai lá	2				2
2.		Bệnh van động mạch chủ	2				2
3.		Các bệnh màng ngoài tim	2				2
4.		Thiếu máu cơ tim	2				2
5.		Rối loạn chuyển hóa lipid và xơ vữa động mạch	2				2
6.		Những rối loạn nhịp tim và rối loạn dẫn truyền	2				2
7.		Tăng huyết áp	2				2
8.		Suy tim	2				2
9.		Thuốc sử dụng điều trị bệnh lý tim mạch	2				2
10.		Điện tâm đồ trong hội chứng tăng gánh trong bệnh mạch vành và nhồi máu cơ tim	2				2
11.		<b>Thực hành các thủ thuật:</b>					
12.		Đo CVP	2				2
13.		Đọc Xquang tim	2				2
14.		Truyền dịch	1				1
15.		Kiến tập: Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm,	4				4
16.		Kiến tập siêu âm tim, Doppler	4				4
17.		Kiến tập đặt nội khí quản,	3				3

18.		Kiến tập chọc dò màng ngoài tim	4					4
19.	Hô hấp	Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng và viêm phổi mắc phải ở bệnh viện	2					2
20.		Áp xe phổi	2					2
21.		Ung thư phổi	2					2
22.		Hen phế quản	2					2
23.		Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	2					2
24.		Bệnh bụi phổi	2					2
25.		Cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán lao phổi	2					2
26.		Điều trị lao – Mycobacteriae không lao	2					2
27.		Nội soi và sinh thiết chẩn đoán bệnh hô hấp	2					2
28.		Các phương pháp thăm dò chẩn đoán bệnh lý hô hấp	2					2
29.		Những biến đổi CNHH trong một số bệnh lý hô hấp	2					2
30.		Thăm dò chẩn đoán bệnh màng phổi: sinh thiết màng phổi,	2					2
31.		nội soi lồng ngực	2					2
32.		Nội soi phế quản	2					2
33.		Dưỡng chấp lồng ngực	2					2
34.		Viêm mũ màng phổi	2					2
35.		Tràn khí màng phổi	2					2
36.		Di chứng dày dính và vôi hoá màng phổi	2					2
37.		<b>Thực hành các thủ thuật:</b>						
38.		- Đọc phim Xquang quy ước, CT Scanner, MRI	2					
39.	- Kiến tập Soi phế quản, Nhuộm soi đờm tìm BK	4						
40.	Chọc dò dịch màng phổi;	3						

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIM MẠCH (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I., Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học:
- \* Tiếng Việt: Nội Tim mạch
- \* Tiếng Anh: Internal Cardiology
- Mã Học phần/ Môn học: HVTM
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- \* Lý thuyết: 30 tiết
- \* Bài tập: tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	<a href="mailto:bssinh2016@gmail.com">bssinh2016@gmail.com</a>
2.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	<a href="mailto:sichu.bvbachmai@gmail.com">sichu.bvbachmai@gmail.com</a>



### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<b>2</b> <b>Mục tiêu</b> <b>(Gx) [1]</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b> (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	<b>CDR của CTĐT</b> <b>(X.x.x) [3]</b> (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	<b>Mức độ [4]</b> (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CDR 20]	3

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

<b>Mục tiêu học phần/ mô đun</b>	<b>CDR của học phần/ mô đun (CLO)</b>
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.

<b>Kỹ năng</b>	
MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	3	3	3	2
Nhồi máu cơ tim	3	3	3	2
Bệnh hẹp, hở van hai lá	3	3	3	2
Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3	3	3	2
Viêm màng ngoài tim	3	3	3	2
Suy tim	3	3	3	2
Tăng huyết áp	3	3	3	2
Xơ vữa động mạch	3	3	3	2
Rối loạn chuyển hóa lipid máu	3	3	3	2
Viêm tắc tĩnh mạch	3	3	3	2
Suy tĩnh mạch chi dưới	3	3	3	2
Rối loạn nhịp tim	3	3	3	2

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tim mạch thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái

quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội tim mạch thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần Nội tim mạch phân lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

### 7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	2			2	4	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nhồi máu cơ tim	2			2	4	
Bệnh hẹp, hở van hai lá	3			3	6	
Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3			3	6	
Viêm màng ngoài tim	2			2	4	
Suy tim	3			3	6	
Tăng huyết áp	4			4	8	
Xơ vữa động mạch	2			2	4	
Rối loạn chuyển hóa lipid máu	2			2	4	
Viêm tắc tĩnh mạch	2			2	4	
Suy tĩnh mạch chi dưới	2			2	4	
Rối loạn nhịp tim	3			3	6	

### 8. Tài liệu học tập

#### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

#### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

### 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Bệnh tim thiếu máu cục bộ	2					4
2.	Nhồi máu cơ tim	2					4
3.	Bệnh hẹp, hở van hai lá	3					6
4.	Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3					6
5.	Viêm màng ngoài tim	2					4
6.	Suy tim	3					6
7.	Tăng huyết áp	4					8
8.	Xơ vữa động mạch	2					4
9.	Rối loạn chuyển hóa lipid máu	2					4
10.	Viêm tắc tĩnh mạch	2					4
11.	Suy tĩnh mạch chi dưới	2					4
12.	Rối loạn nhịp tim	3					6

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

### 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm  
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phân lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phân lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = ( điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

#### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**Trần Thị Kim Thư**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú y học cổ truyền, Mã số đào tạo:

**1. Thông tin tổng quát**

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 8 LT (120 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 72 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Tự học: 18 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...	
2	<b>Kỹ năng :</b> Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....	
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CDR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC



chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
<b>Kỹ năng</b>	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

**6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

### 7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn  - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	4	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	1	
4.	Tiền bí	4	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	4	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	4	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	4	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	4	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	4	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	1	
	<b>Tổng</b>	72		34	0	255	<b>18</b>	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

### 8. Tài liệu học tập

#### 8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

**9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết**

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiền bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đàn	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyền vụng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
<b>TỔNG</b>		<b>72</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>34</b>	<b>18</b>	<b>138</b>

**10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun**

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

Hà Nội, ngày tháng năm 20  
**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**



**PGS.TS Đoàn Quang Huy**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**LÂM SÀNG: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú y học cổ truyền, Mã số đào tạo:

**1. Thông tin tổng quát**

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 17 LS (520 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 510 tiết

+ Lâm sàng: 510 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 34 tiết

+ Tự học: 480 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...	
2	<b>Kỹ năng :</b> Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....	
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CDR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC

chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
<b>Kỹ năng</b>	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

**6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

## 7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn  - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	4	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	1	
4.	Tiền bí	4	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	4	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	4	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	4	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	4	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	4	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	1	
	<b>Tổng</b>	72		34	0	255	<b>18</b>	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

### 8.2. Tài liệu tham khảo



**9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết**

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đàn	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyền vụng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
<b>TỔNG</b>		<b>72</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>34</b>	<b>18</b>	<b>138</b>

**10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun**

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

Hà Nội, ngày tháng năm 20  
**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**



**PGS.TS Đoàn Quang Huy**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT (PHÂN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền; Mã số đào tạo:

**1. Thông tin chung về Học phần**

- Tên Học phần: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- \* Tiếng Việt: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: HVNG
- Số tín chỉ: 8 TC lý thuyết + 17 TC thực hành
- Đối tượng học: Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền (năm thứ 3)
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 630 tiết
- \* Lý thuyết: 120 tiết
- \* Thực hành: 510 tiết
- \* Bài tập: tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- \* Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	<a href="mailto:doanminhthuyvn@yahoo.com">doanminhthuyvn@yahoo.com</a>
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	<a href="mailto:drcuong68@gmail.com">drcuong68@gmail.com</a>
3	PGS. TS. Lê Lương Đồng	091 3506029	<a href="mailto:leluongdongyh@gmail.com">leluongdongyh@gmail.com</a>
4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	<a href="mailto:tuongson.dng@gmail.com">tuongson.dng@gmail.com</a>

5	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	<a href="mailto:md.hoatmuoi@gmail.com">md.hoatmuoi@gmail.com</a>
6	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	<a href="mailto:drlanphuong89@gmail.com">drlanphuong89@gmail.com</a>
7	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

### 3. Mục tiêu của Học phần (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
MT2	Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
	<b>Kỹ năng</b>		3
MT3	Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12. CDR 13.	3
MT4	Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
MT5	Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		3
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học	CDR17, CDR 18 CDR	3

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.		
MT7	Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CĐR 17, CĐR 18 CĐR19, CĐR20 CĐR 21	3

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Giải thích được cơ chế bệnh nguyên ,bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	<b>CLO1:</b> Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ <b>CLO2:</b> Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.
<b>MT2:</b> Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	<b>CLO3:</b> Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT3:</b> Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý	<b>CLO4:</b> Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh
<b>MT4:</b> Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	<b>CLO5:</b> Vận dụng được kiến thức để đưa ra chính định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng phương pháp châm cứu và thuốc YHCT.
<b>MT5:</b> Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	<b>CLO6:</b> Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>MT6:</b> Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	<b>CLO7:</b> Nhận thức về tầm quan trọng của điều trị bệnh lý ngoại khoa trên thực tế lâm sàng và Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
<b>MT7:</b> Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	<b>CLO8:</b> Ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa tại Bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị. <b>CLO8:</b> Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
-------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8
Bệnh lý Da liễu	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý Y học giới tính	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3	3

## 6. Mô tả Học phần/ Môn học

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

## 7. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bệnh lý Da liễu	24	102		126	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan	
Bệnh lý hậu môn trực tràng	24	102		126		
Bệnh lý Y học giới tính	33	102		135		
Bệnh lý tim mạch	15	102		117		
Bệnh lý tiết niệu	24	102		126		

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

### 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Bệnh lý Da liễu	24					
Buổi 2							
Buổi 3							
Buổi 4							
Buổi 5							
Buổi 6							
Buổi 7	Bệnh lý hậu môn trực tràng	24					
Buổi 8							
Buổi 9							
Buổi 10							
Buổi 11							
Buổi 12							
Buổi 13	Bệnh lý Y học giới tính	33					
Buổi 14							
Buổi 15							
Buổi 16							
Buổi 17							
Buổi 18							
Buổi 19							
Buổi 20							
Buổi 21	Bệnh lý tim mạch	15					
Buổi 22							
Buổi 23							
Buổi 24							
Buổi 25							
Buổi 26							
Buổi 27							
Buổi 28							



Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 29							
Buổi 30							
	<b>TỔNG</b>	<b>120</b>					

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề   
 Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng   
 Nghiên cứu tình huống  Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, Học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
<b>1</b>	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Báo cáo thực hành	33,3%		CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận hoặc làm tiểu luận	66,7%		CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ)

### 12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PT. BỘ MÔN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Minh Thủy

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT (PHẦN LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền; Mã số đào tạo:

**1. Thông tin chung về Học phần**

- Tên Học phần: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- \* Tiếng Việt: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: HVNG
- Số tín chỉ: 8 TC lý thuyết + 17 TC thực hành
- Đối tượng học: Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền (năm thứ 3)
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 630 tiết
- \* Lý thuyết: 120 tiết
- \* Thực hành: 510 tiết
- \* Bài tập: tiết
- \* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- \* Kiểm tra: tiết
- \* Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	<a href="mailto:doanminhthuyvn@yahoo.com">doanminhthuyvn@yahoo.com</a>
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	<a href="mailto:drcuong68@gmail.com">drcuong68@gmail.com</a>
3	PGS. TS. Lê Lương Đống	091 3506029	<a href="mailto:leluongdongyh@gmail.com">leluongdongyh@gmail.com</a>
4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	<a href="mailto:tuongson.dng@gmail.com">tuongson.dng@gmail.com</a>

5	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	<a href="mailto:md.hoatmuoi@gmail.com">md.hoatmuoi@gmail.com</a>
6	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	<a href="mailto:drlanphuong89@gmail.com">drlanphuong89@gmail.com</a>
7	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

### 3. Mục tiêu của Học phần (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<b>Kiến thức</b>		
MT1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT2	Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	<b>Kỹ năng</b>		3
MT3	Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12, CĐR 13.	3
MT4	Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT5	Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		3
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học	CĐR17, CĐR 18 CĐR	3

<b>Mục tiêu (Gx) [1]</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b> (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	<b>CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]</b> (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	<b>Mức độ [4]</b> (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.		
MT7	Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CĐR 17, CĐR 18 CĐR19, CĐR20 CĐR 21	3

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

<b>Mục tiêu học phần/ mô đun</b>	<b>CĐR của học phần/ mô đun (CLO)</b>
<b>Kiến thức</b>	
<b>MT1:</b> Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	<b>CLO1:</b> Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ <b>CLO2:</b> Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.
<b>MT2:</b> Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	<b>CLO3:</b> Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa
<b>Kỹ năng</b>	
<b>MT3:</b> Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý	<b>CLO4:</b> Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh
<b>MT4:</b> Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	<b>CLO5:</b> Vận dụng được kiến thức để đưa ra chính định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng phương pháp châm cứu và thuốc YHCT.
<b>MT5:</b> Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	<b>CLO6:</b> Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>MT6:</b> Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	<b>CLO7:</b> Nhận thức về tầm quan trọng của điều trị bệnh lý ngoại khoa trên thực tế lâm sàng và Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
<b>MT7:</b> Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	<b>CLO8:</b> Ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa tại Bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị. <b>CLO8:</b> Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
-------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8
Bệnh lý Da liễu	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý Y học giới tính	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3	3

## 6. Mô tả Học phần/ Môn học

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHD một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHD.

## 7. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	LS	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bệnh lý Da liễu	24	102		126		Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan
Bệnh lý hậu môn trực tràng	24	102		126		
Bệnh lý Y học giới tính	33	102		135		
Bệnh lý tim mạch	15	102		117		
Bệnh lý tiết niệu	24	102		126		

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

### 9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Da liễu	102					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	102					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Y học giới tính	102					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tim mạch	102					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tiết niệu	102					
	<b>TỔNG</b>	510					

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình  Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm  Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện luận văn/ thực hành/ thực tập



Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Báo cáo thực hành	33,3%		CĐR3, CĐR6, CĐR7,

				CĐR8, CĐR9, CĐR12.
<b>2</b>	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận hoặc làm tiểu luận	66,7%		CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ)

### 12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

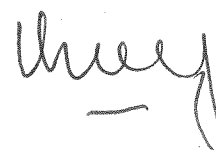
**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**PT. BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**Đoàn Minh Thụy**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NHI**

Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: Chuyên ngành Nhi
- Mã học phần/ mô đun: HVNH
- Số tín chỉ: 25/5/20
- Đối tượng học (năm thứ 2): Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp X				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Chuyên ngành Nội
- Số tiết đối với các hoạt động học tập
  - + Lý thuyết: 75 tiết
  - + Lâm sàng: 690 tiết
  - + Thời gian tự học: 765 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	Bsqyinhnga76@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CDR2,3	2.0 -> 3.0
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD	CDR2,3	2.0 -> 3.0
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CDR6,7,8,9,11,12,13,14,15,16	4.0 -> 4.5
<b>Thái độ</b>			
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CDR 17,18,19,20,21	0.0 -> 2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CDR1: Phân tích được xác các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CDR2: Phân tích được các nội dung trong vọng, vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ	CDR3: Giải thích chính xác chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.
<b>Kỹ năng</b>	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vọng vấn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CDR4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi. CDR5: Vận dụng thuần thục các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi. CDR6: Vận dụng thuần thục các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT4: Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CDR7: Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành. CDR8: Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên



<b>QUAI BỊ</b>	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>THỦY ĐẬU</b>	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>CHÂN TAY MIỆNG</b>	3	3	3	3	3	3	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm các kiến thức sâu về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	LS	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1	<b>ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT</b>	4					4	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được
2	<b>NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT</b>	4					4	
3	<b>CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT</b>	4					4	
4	<b>SUY DINH DƯỠNG</b>	4					4	
5	<b>TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG</b>	4					4	
6	<b>TIÊU CHẢY</b>	4					4	
7	<b>HEN PHẾ QUẢN</b>	4					4	
8	<b>BẠI NÃO</b>	4					4	
9	<b>DI CHỨNG VIÊM NÃO</b>	4					4	
10	<b>LIỆT VII NGOẠI BIÊN</b>	4					4	
11	<b>DI NIỆU</b>	4					4	

12	CO GIẬT	4					4	thảo luận trong buổi học
13	SA TRỰC TRÀNG	4					4	
14	VIÊM CẦU THẬN	4					4	
15	SÓT XUẤT HUYẾT	4					4	
16	SỎI	4					4	
17	QUAI BỊ	4					4	
18	THỦY ĐẬU	4					4	
19	CHÂN TAY MIỆNG	4					4	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Nhi Khoa Y học cổ truyền. Tài liệu lưu hành nội bộ: HVYDHCTVN.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[3]. Hải thượng lần ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[4]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	20					20
2	20					20
3	20					20
4	16					16

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phân/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x      Động não       Từng cặp /Chia sẻ       Học dựa trên vấn đề       Hoạt  
động nhóm x      Đóng vai       Học dựa vào dự án       Mô phỏng



Nghiên cứu tình huống X

Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập x

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR3 đến CDR6.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR6

- Hướng dẫn sinh viên thực tập lâm sàng: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn lâm sàng để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR8

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến, tùy theo điều kiện giảng đường

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

*11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic.

*11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

- Sinh viên phải hoàn thành các bệnh án lâm sàng được giao.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR 8
	Thực hành	40%		CĐR1 đến CĐR 8
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	60%		CĐR1 đến CĐR 8

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

$$TK = 0.4 TH + 0.6 \text{ thi.}$$

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.


- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

  
Nguyễn Thị Tuyết Nga

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**LÂM SÀNG: CHUYÊN NGÀNH NHI**

Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun: Chuyên ngành Nhi
- Mã học phần/ mô đun: HVNH
- Số tín chỉ: 25/5/20
- Đối tượng học (năm thứ 2): Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp X				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Chuyên ngành Nội
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  - + Lý thuyết: 75 tiết
  - + Lâm sàng: 600 tiết
  - + Thời gian tự học: 675 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	Bsqyinhnga76@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<b>Kiến thức</b>			
MT1	Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CĐR2,3	2.0 -> 3.0
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ	CĐR32,3	2.0 -> 3.0
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CĐR6,7,8,9,11,12,13,14,15,16	4.0 -> 4.5
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CĐR 17,18,19,20,21	0.0 -> 2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CDR1: Phân tích được xác các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CDR2: Phân tích được các nội dung trong vọng, vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD	CDR3: Giải thích chính xác chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.
<b>Kỹ năng</b>	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vọng vấn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CDR4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi. CDR5: Vận dụng thuần thục các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi. CDR6: Vận dụng thuần thục các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT4: Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CDR7: Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành. CDR8: Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên



<b>QUAI BỊ</b>	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>THỦY ĐẬU</b>	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>CHÂN TAY MIỆNG</b>	3	3	3	3	3	3	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm các kiến thức sâu về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	LS	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1	<b>ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT</b>	4	28				32	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được
2	<b>NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT</b>	4	28				32	
3	<b>CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT</b>	4	28				32	
4	<b>SUY DINH DƯỠNG</b>	4	32				36	
5	<b>TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG</b>	4	32				36	
6	<b>TIÊU CHẢY</b>	4	32				36	
7	<b>HEN PHẾ QUẢN</b>	4	46				50	
8	<b>BẠI NÃO</b>	4	46				50	
9	<b>DI CHỨNG VIÊM NÃO</b>	4	46				50	
10	<b>LIỆT VII NGOẠI BIÊN</b>	4	32				36	
11	<b>DI NIỆU</b>	4	18				22	
12	<b>CO GIẬT</b>	4	32				36	



13	SA TRỰC TRÀNG	4	32			36	thảo luận trong buổi học
14	VIÊM CẦU THẬN	4	32			36	
15	SÓT XUẤT HUYẾT	4	32			36	
16	SÔI	4	18			22	
17	QUAI BỊ	4	18			22	
18	THỦY ĐẬU	4	28			22	
19	CHÂN TAY MIỆNG	4	32			36	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; LS: Lâm sàng,

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Nhi Khoa Y học cổ truyền. Tài liệu lưu hành nội bộ: HVDHCTVN.

### 8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[3]. Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[4]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

## 9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Học tại buồng bệnh	
1	<b>ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT</b>			4	24	4
2	<b>NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT</b>			4	24	4
3	<b>CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT</b>			4	24	4
4	<b>SUY DINH DƯỠNG</b>			8	24	8
5	<b>TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG</b>			8	24	8
6	<b>TIÊU CHẢY</b>			8	24	8

7	<b>HEN PHẾ QUẢN</b>			12	34	12
8	<b>BẠI NÃO</b>			12	34	12
9	<b>DI CHỨNG VIÊM NÃO</b>			12	34	12
10	<b>LIỆT VII NGOẠI BIÊN</b>			8	24	8
11	<b>DI NIỆU</b>			4	14	4
12	<b>CO GIẬT</b>			8	24	8
13	<b>SA TRỰC TRÀNG</b>			8	24	8
14	<b>VIÊM CẦU THẬN</b>			8	24	8
15	<b>SÓT XUẤT HUYẾT</b>			8	24	8
16	<b>SỎI</b>			4	14	4
17	<b>QUAI BỊ</b>			4	14	4
18	<b>THỦY ĐẬU</b>			4	24	4
19	<b>CHÂN TAY MIỆNG</b>			8	24	8

#### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x      Động não       Từng cặp /Chia sẻ       Học dựa trên vấn đề       Hoạt động nhóm x      Đóng vai       Học dựa vào dự án       Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống x      Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập x

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR3 đến CDR6.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR6

- Hướng dẫn sinh viên thực tập lâm sàng: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn lâm sàng để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR8

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến, tùy theo điều kiện giảng đường

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

*11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic.

*11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên*

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

- Sinh viên phải hoàn thành các bệnh án lâm sàng được giao.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## **12. Phương pháp đánh giá học phần**

### **12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

## 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR 8
	Thực hành	40%		CĐR1 đến CĐR 8
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun</b>			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	60%		CĐR1 đến CĐR 8

## 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

$$TK = 0.4 TH + 0.6 thi.$$

## 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)